

KINH DIỆU PHÁP LIÊN
HOA – Quyển 5

Hán dịch: Tam Tạng Pháp
Sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Hòa thượng
Thích Trí Tịnh

LOTUS SUTRA
Volume V

Chinese translation: Tripitaka
Dharmabhāṅga Kumārajīva
English translation: [City of
Ten Thousand Buddhas, USA.](#)

Light adaptation by: support@daotrangtayphuong.org

Conventions:

- Text absent in Vietnamese: English text put in footnotes or in Appendixes or in []
- Text absent in English: Put in italic font if translated.
- Bold *italic*: Using translation from <http://evdhamma.org/index.php/sutras/lotus-nirvana/lotus-sutra/>



- *[italic]* in Vietnamese: differences among Vietnamese versions

KINH DIỆU PHÁP
LIÊN HOA
PHẨM “AN LẠC
HẠNH” THỨ MƯỜI
BỐN

1. Lúc bảy giờ, ngài
Văn-Thù-Sư-Lợi Đại
Bồ-tát bạch Phật rằng:

LOTUS SUTRA

Happily Dwelling Conduct
Chapter 14

1. At that time, Dharma Prince
Manjushri Bodhisattva Mahasattva
said to the Buddha, “World



“Thế-Tôn! Các vị Bồ-tát này rất là ít có, vì kính thuận Phật nên phát thế-nguyện lớn: ở nơi đời ác sau, hộ-trì đọc nói kinh Pháp-Hoa này”.

Honored One, all these Bodhisattvas are extremely rare. Reverently complying with the Buddha, they have made great vows to protect, maintain, read, and speak this Dharma Flower Sutra in the future evil age.”



“Thế-Tôn! Các vị đại Bồ-tát ở đời ác sau, thế nào mà có thể nói kinh này?”.

Phật bảo ngài Văn-Thù-Sư-Lợi: “Nếu vị Bồ-tát ở đời ác sau muốn nói kinh này, phải an-trụ trong bốn pháp:

“World Honored One, how can the Bodhisattvas Mahasattvas speak this Sutra in the future evil age?”

The Buddha told Manjushri, “If a Bodhisattva Mahasattva wishes to speak this Sutra in the future Evil Age, he should dwell securely in Four Dharmas.



2. -Một, an-trụ nơi “hành xứ” và nơi “thân-cận-xứ” của Bồ-tát, thì có thể vì chúng sinh mà diễn nói kinh này. Văn-Thù-Sư-Lợi! Thế nào gọi là chỗ “Hành-xứ” của đại Bồ-tát? Nếu vị đại Bồ-tát an trụ trong nhẫn-nhục hòa-dị khéo

2. First, by Dwelling in a Bodhisattva's range of practice and a Bodhisattva's range of association, he will be able to speak this Sutra for living beings.” “Manjushri, what is meant by a Bodhisattva Mahasattva's range of practice? If a Bodhisattva Mahasattva dwells on the ground of patience, is gentle and



thuận mà không vụt-chạc
lòng cũng chẳng kinh sợ,
lại ở nơi pháp không
phân-biệt mà quán tưởng
như thực của các pháp
(1), cũng chẳng vin theo,
chẳng phân-biệt, đó gọi
là chỗ “hành-xứ” của
Bồ-tát.

compliant, not impetuous or
volatile; if his mind is not
frightened; if, moreover, he does
not practice in regard to any
dharma, but contemplates the
marks of all dharmas as they really
are—not, however, practicing non-
discrimination—that is called a
Bodhisattva Mahasattva's range of
practice.”



Thế nào gọi là chỗ
“thân-cận-xú” của đại
Bồ-tát? - Vị đại Bồ-tát
chẳng gần-gũi quốc-
vương, vương-tử, đại-
thần, quan-trưởng, chẳng
gần-gũi ngoại-đạo phạm-
chí, ni-kiên-tử (2), v.v...
và chẳng gần những kẻ
viết sách thể tục ca

“What is meant by the Bodhisattva
Mahasattva's range of association?
Bodhisattvas Mahasattvas do not
draw near to kings, princes, great
ministers, or officials.” “They do
not draw near to externalists,
Brahmacharins, nirgranthas, and
the like, or to writers of worldly
literature, to those who sing praises
of externalist writings, to



ngâm; sách ngoại-đạo
cùng với phái “lộ-già-da-
đà” phái “nghịch-lộ-già-
da-đà” (3), cũng chẳng
gần gũi những kẻ chơi
hung-hiêm đâm nhau,
đánh nhau, và bọn na-la
(4) v.v... bày các cuộc
chơi biến-hiện.

lokayatas, or to the opponents of
lokayatas.” “They also do not draw
near to violent amusements such as
boxing and wrestling, to displays
of martial arts that involve mutual
attack, to natas, or to any
entertainment that uses magic.”



Lại chẳng gần-gũi bọn hàng thịt và kẻ nuôi heo, dê, gà, chó, săn-bắn chài lưới, hạng người sống với nghề ác, những người như thế hoặc có lúc lại đến thời Bồ-tát vì nói pháp không có lòng mong cầu.

“They do not draw near to chandalas, to those who raise pigs, sheep, chickens, and dogs, or to those who hunt, fish, or engage in any other evil activities. If such people should on occasion come to them, they speak the Dharma for them, but have no expectations.”



Lại chẳng gần-gũi những
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni,
Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di,
hạng người cầu quả
Thanh-Văn, hoặc ở trong
phòng, hoặc chỗ kinh-
hành, hoặc ở trong
giảng-đường chẳng cùng
ở chung, hoặc có lúc
những người đó lại đến,

“They also do not draw near to
those who seek to be Hearers,
whether Bhikshus, Bhikshunis,
Upasakas, or Upasikas, and they
do not make a half bow to them.
They do not remain in a room, a
promenade, or a lecture hall with
them. Should such people
sometimes come to them, they



Bồ-tát theo cơ-nghi nói pháp không lòng mong cầu.

Văn-Thù-Sư-Lợi! Lại vị đại Bồ-tát chẳng nên ở nơi thân người nữ cho là tướng có thể sanh tử-tướng dục nhiễm mà vì nói pháp, cũng chẳng ưa

speaking Dharma as is appropriate, but seek nothing in return.”

“Manjushri, moreover Bodhisattvas Mahasattvas must not regard women's bodies as objects of desire, and speak Dharma for them. They do not take delight in looking at women. If they enter the



thấy. Nếu vào nhà người
chẳng cùng với gái nhỏ,
gái trinh, gái góa, v.v...
chung nói chuyện, cũng
lại chẳng gần năm giống
người bất-nam (5) để
làm thân hậu.

Chẳng riêng mình vào
nhà người, nếu lúc có

homes of others, they do not speak
with young girls, maidens,
widows, and so forth.” “Further,
they do not draw near to the five
kinds of unmanly men and become
friends with them.”

“They do not enter others' houses
alone. If for some reason they must



nhân-duyên cần riêng
mình vào thì chuyên một
lòng niệm Phật.

Nếu vì người nữ nói
pháp thời chẳng hờ rãng
cười, chẳng bày hông,
ngực, nhả đến vì pháp
mà còn chẳng thân-hậu,
huống lại là việc khác.

enter alone, they single-mindedly
recollect the Buddha.”

“If they speak the Dharma for
women, they do not smile or laugh
so their teeth show, nor do they
expose their chests. Even for the
sake of the Dharma, they do not
become familiar with them, much
less for the sake of other matters!”



Chẳng ưa nuôi đệ-tử Sa-
di ít tuổi và các trẻ nhỏ,
cũng chẳng ưa cùng
chúng nó đồng một thầy.

Thường ưa ngồi thiền ở
chỗ vắng tu nhiếp tâm
mình.

“They take no delight in raising
young disciples, Shramaneras, or
children, and they do not take
pleasure in sharing the same
master with them.” “They always
delight in sitting in Dhyana, and in
a quiet place cultivate collecting
their thoughts.



Văn-Thù-Sư-Lợi! Đó gọi là “chỗ thân-cận” ban đầu.

3. Lại nữa, vị đại Bồ-tát quán sát “Nhất-thiết pháp không như thật tướng” chẳng điên-đảo, chẳng động, chẳng thôi, chẳng chuyển, như hư-

Manjushri, this is called the first range of association.”

3. “Further, Bodhisattvas Mahasattvas contemplate all Dharmas as empty, as characterized by actuality, as not upside down, as not moving, as not retreating, as not turning, as being



không, không có thật-
tánh, tất cả lời nói phô
dứt, chẳng sinh, chẳng
xuất, chẳng khởi, không
danh, không tướng, thực
không chỗ có, không
lường, không ngăn,
không ngại, không
chướng, chỉ do nhân-
duyên mà có, từ điển-

like empty space, as without a
nature, as having the path of
language cut off, as not coming
into being, as not coming forth, as
not arising, as without a name, as
without an appearance, as in reality
non-existent, as measureless, as
boundless, as unimpeded, and as
unobstructed.” “They only exist
because of causes and conditions



đảo mà sanh cho nên
nói, thường ưa quán-sát
pháp-tướng như thế đó
gọi là “chỗ thân-cận” thứ
hai của vị Đại Bồ-tát.
Lúc đó, đức Thế-Tôn
muốn tuyên lại nghĩa
trên mà nói kệ rằng:

and are produced from inversion.
Therefore, it is said that constantly
delighting in contemplating the
characteristics of Dharmas is called
the second range of association of
a Bodhisattva.” “At that time, the
World Honored One, wishing to
restate his meaning, spoke the
following verses:



4. Nếu có vị Bồ-tát
Ở trong đời ác sau
Lòng không hề sợ-sệt
Muốn nói kinh pháp này
Nên trụ vào
“hành-xứ”
Và trụ “thân-cận-xứ”.
Thường xa rời quốc-
vương
Và con của quốc-vương

4. “If there is a Bodhisattva,
In the latter evil age,
Who, with fearless mind,
Wishes to speak this Sutra,
He should enter the range of
practice,
And the range of association.
He should always stay away
From kings,
as well as princes,



Quan đại-thần, quan lớn
Kẻ chơi việc hung-hiêm
Cùng bọn chiên-đà-la (6)
Hàng ngoại đạo phạm-
chí

Cùng chẳng ưa gần-gũi
Hạng người Tăng-
thượng-mạn

Hàng học giả tham
chấp

Great ministers, and officials,
Brutal and dangerous performers;
From chandalas, along with
Externalists and Brahmacharins.

He should not draw near to
Those of overweening pride,

Who are attached to the small
vehicle,



Kinh, luật, luận tiếu-thừa

Những Tỳ-kheo phá giới

Danh tự A-la-hán

Và những Tỳ-kheo-ni

Ưa thích chơi giỡn cười

Các vị Ưu-bà-di

Tham mê năm món

dục

And study the Three Stores.

Nor should he draw near Bhikshus

Who are breakers of the precepts,

Arhats in name only,

Or to Bhikshunis

Who like to play and laugh,

Nor should he draw near Upasikas.

Those deeply attached to the five

desires,



Cầu hiện-tại

diệt-độ

Đều chớ có gần-gũi.

Nếu những hạng người
đó

Dùng tâm tốt mà đến

Tại chỗ của Bồ-tát

Để vì nghe Phật-đạo.

Bồ-tát thời nên dùng

Or seeking quiescence in the
present.

He should not draw near

Should such people come

With good hearts

To the Bodhisattva

To hear of the Buddha Way,

The Bodhisattva, then, may



Lòng không chút sợ-sệt
Chẳng có niệm mong
cầu

Mà vì chúng nói pháp.
Những gái góa, gái trinh
Và các kẻ bất-nam
Đều chớ có gần gũi
Để cùng làm thân-hậu.
Cũng chớ nên gần-gũi
Kẻ đồ-tể cắt thái

Without apprehension
And without expectations

Speak the Dharma for them.
Widows, maidens
Or unmanly men,
Nor should he be familiar with
Or close to them.
He should also not draw near
Butchers, meat-cutters,



Săn bắn và chài lưới
Vì lợi mà giết hại
Bán thịt để tự sống
Buôn bán sắc gái
đẹp
Những người như thế đó
Đều chớ có gần-gũi.

Các cuộc chơi giỡn
dữ

Hunters, or fishermen,
Or any who kill for profit
Or sell meat as their livelihood,
Or those who traffic in female
flesh:
Such people as these
He should not draw near.

Engaged in dangerous, violent
sports,



Hung hiêm đ̣âm đ̣ánh
nhau

Và những đ̣âm nữ thảy
Trợn chớ có gần-gũi.

Chớ nên riêng chỗ
khuất

Vì người nữ nói pháp
Nếu lúc vì nói pháp

Nor to actors and performers

Or prostitutes and the like.

He should take care never

To draw near to those

He should not, while in a secluded
place,

Speak the Dharma for women.

While speaking the Dharma,



Chẳng được chơi giỡn
cười

Khi vào xóm khát
thực

Phải dắt một

Tỳ-kheo

Nếu không có Tỳ-kheo

Phải một lòng

niệm Phật

Đây thời gọi tên là

He should not joke or laugh.

When he enters the city to seek
alms,

He should go with another
Bhikshu,

Or, if there is no other Bhikshu,

He should single-mindedly
recollect the Buddha.

Those are what is called



“Hành-xứ” “thân-cận-xứ”.

Dùng hai xứ trên đây
Có thể an-lạc
nói.

Lại cũng chẳng vịn theo
Pháp thượng, trung và hạ
Hữu-vi hay
vô-vi

The ranges of practice and
association;

By resort to these two ranges
He can preach in peace and
comfort.

Further, he does not practice
Higher, middle, or lower Dharmas;
Nor conditioned or unconditioned
Dharmas,



Thực cùng pháp chẳng
thực
Cũng chẳng có phân-biệt
Là nam là nữ thấy
Lại chẳng được các pháp
Chẳng biết cũng chẳng
thấy
Đây thời gọi tên là
“Hành-xứ” của
Bồ-tát.

Real or unreal Dharmas.

He does not distinguish
Between men and women;
He does not obtain any Dharma
Nor does he know or perceive any.

This is what is known as
The Bodhisattva 's range of
practice.



Tất cả các món pháp
Đều không, chẳng chỗ
có
Không có chút thường-
trụ
Vẫn cũng không khởi
diệt
Đây gọi là “thân-cận”
Chỗ người trí hăng
nương.

All the Dharmas whatsoever
Are empty, non-existent,
Without permanence,
Neither arising nor extinguished;
This is known as the Wise One’s
range of association.



Chớ đảo-điên
phân-biệt

Các pháp có hoặc không
Là thực, chẳng phải thực
Là sanh chẳng phải sanh,
Ở an nơi vắng-vẻ
Sửa trau nhiếp tâm
mình

An-trụ chẳng lay động
Như thể núi Tu-Di

It is through inverted
discrimination

That Dharmas exist or not exist,
Seem real or unreal,
Created or uncreated.

If, in a quiet place,
He cultivates and collects his
thoughts

Peacefully dwelling, unmoved
Like Mount Sumeru,



Quán-sát tất cả pháp
Thấy đều không thực có
Dường như khoảng hư-
không
Không có chút bền chắc.
Chẳng sanh cũng chẳng
xuất
Chẳng động cũng chẳng
thối

Contemplating all Dharmas
As having no existence,
Like empty space,

With nothing firm or solid,
Uncreated, not coming forth,

Unmoving, not retreating,



Thường-trụ một tướng-
thể

Đó gọi là
“cận-xứ”.

Nếu có vị Tỳ-kheo

Sau khi ta diệt độ

Vào được “hành-xứ” này

Và “thân-cận-xứ” đó

Thời lúc nói kinh này

Không có lòng e sợ

Dwelling always in one mark,

This is called the range of
association.

If a Bhikshu,

After my Nirvana,

Enters into this range of practice

And range of association,

When he speaks this Sutra,

He will have no fear.



Vị Bồ-tát có lúc
Vào nơi nhà tịnh-thất
Lòng nghĩ nhớ chân
chính
Theo đúng nghĩa quán
pháp.
Từ trong thiền-định
dậy
Vì các bậc Quốc-vương
Vương-tử và quan, dân

When a Bodhisattva
Enters a quiet room
And with upright mindfulness
Contemplates Dharmas in accord
with principle,
Arising from Dhyana
concentration
He may for the sake of kings,
Princes, ministers,



Hàng Bà-la-môn thầy
Mà khai-hóa diễn-bày
Rộng nói kinh điển này
Tâm vị đó an-ôn
Không có chút khiếp-
nhược.

Văn-Thù-Sư-Lợi này!
Đó gọi là Bồ-tát
An-trụ trong
sơ-pháp

Brahmans and such
Teach, transform, and expound,
Speaking this Sutra
With a tranquil mind
And without fear.

Manjushri,
This is called the Bodhisattva's
Peaceful dwelling in the first
Dharma,



Có thể ở đời sau
Diễn nói kinh Pháp-Hoa.

5. Lại Văn-Thù Sư-Lợi!
Sau khi đức Như-Lai
diệt-độ, ở trong đời mạt-
pháp muốn nói kinh này,
phải trụ nơi hạnh an-lạc,
hoặc miệng tuyên nói
hoặc lúc đọc kinh đều

And he may, in the future age,
Speak the Dharma Flower Sutra.”

5. “Manjushri, after the
Tathagata’s Nirvana, in the
Dharma-ending Age, if one wishes
to speak this Sutra, one should
dwell in this happily-dwelling
conduct.” “Whether one is
expounding upon the Sutra orally



chẳng ưa nói lỗi của người và của kinh điển; chẳng khinh mạn các Pháp-sư khác, chẳng nói việc hay dở, tốt xấu của người khác. Ở nơi hàng Thanh-văn cũng chẳng kêu tên nói lỗi quấy của người đó, cũng chẳng kêu tên khen-ngợi điều

or reading the Sutra itself, one should take no delight in speaking of the faults of people or of the Sutra, nor should one hold other Dharm a Masters in contempt, nor speak of the good or bad qualities, the strengths or weaknesses of others. With regard to Hearers, one should not mention them by name in order to speak of their faults, nor



tốt của người đó. Lại cũng chẳng sinh lòng oán hiềm, vì khéo tu lòng an-lạc như thế, nên những người nghe pháp không trái ý. Có chỗ gạn hỏi, chẳng dùng pháp tiểu-thừa đáp, chỉ dùng pháp đại-thừa mà vì đó giải nói làm cho được

should one speak of them by name to praise their excellence. One should not harbor resentment or jealousy.” “Because one skillfully cultivates such peaceful and happy thoughts, he will not oppose his listeners’ intentions. If asked difficult questions, he does not answer by resorting to the Small Vehicle Dharma, but uses only the



bậc “Nhất-thiết chủng-trí”.

Khi ấy, Thế-Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

6. -Vị Bồ-Tát thường ưa

Great Vehicle for his explanation, which causes his listeners to obtain the Wisdom of All Modes.”

At that time, the World Honored One, wishing to restate his meaning, spoke these verses, saying:

6. “The Bodhisattva ever delights



An-ôn nói kinh pháp
Ở nơi chỗ thanh-tịnh
Mà sắp đặt sàng tòa
Dùng hương dầu xoa
thân
Tắm gội các bụi dơ
Mặc y mới sạch-sẽ
Trong ngoài đều sạch
thơm

In tranquilly speaking the Dharma;
On pure ground
He arranges his seat,
Smears his body with oil,

And washes away dust and filth.
Wearing fresh, clean clothing,
Completely pure, within and
without,



Ngồi an nơi
pháp-tòa
Theo chỗ hỏi vì nói.
Nếu có vị Tỳ-kheo
Cùng với Tỳ-kheo-ni
Các hàng Ưu-bà-tắc
Và hàng Ưu-bà-di
Quốc-vương và vương-
tử,
Các quan cùng sĩ-dân

Seated securely on the Dharma
seat,
He responds to questions.
If there are Bhikshus
Or Bhikshunis,
Upasakas
Or Upasikas,
Kings, princes,
Ministers, scholars, or commoners,



Dùng pháp nghĩa nhiệm-
mầu

Vui-vẻ vì họ

nói

Nếu có người gạn hỏi

Theo đúng nghĩa mà

đáp

Nhân-duyên hoặc

thí-dụ

By resorting to the subtle,
wonderful principle,

With harmonious mien he speaks
for them.

If there are difficult questions,

He answers in accord with
principle.

Using causes and conditions and
parables,



Giải-bày phân-biệt
nói
Dùng trí phương-tiện
này
Đều khiến kia phát
tâm
Lần lần thêm đông nhiều
Vào ở trong
Phật-đạo.
Trừ lòng lười biếng trễ

He explains and makes
distinctions,
Through his use of such
expedients,
All are moved to bring forth the
resolve,
Which gradually increases
As they enter into the Buddha
Way.
Casting out thoughts of laziness



Cùng với tướng giải-đãi
Xa rời các ưu-não
Tâm từ lành nói
pháp
Ngày đêm thường tuyên
nói
Giáo-pháp vô-thượng
đạo
Dùng các việc nhân-
duyên

And slothful thinking,
Freeing himself from all worry,
He speaks Dharma with a
compassionate mind.
By day and night he ever speaks
The supreme teaching of the Way.
By means of causes and conditions



Vô-lượng món thí-dụ
Mở bày dạy chúng-sinh
Đều khiến chúng vui
mừng
Y-phục cùng đồ nằm
Đồ ăn uống thuốc thang
Mà ở nơi trong đó
Không có chỗ mong cầu
Chỉ chuyên một lòng
nhớ

And limitless analogies
He instructs living beings,
Leading them to be joyful.

Clothing, bedding,
Food, drink, and medicine--
With respect to these
He harbors no expectations.
His single focus is to speak the
Dharma



Nhân-duyên nói kinh
pháp
Nguyên ta thành Phật-
đạo
Khiến mọi người cũng
vậy
Đó là lợi lành lớn
Là an-vui cúng dường
Sau khi ta diệt-độ
Nếu có vị Tỳ-kheo

According to causal conditions;
His wish is to realize the Buddha
Way
And lead living beings to do the
same.
This, then, is the greatest benefit:
The offering of peace and comfort.
After my Nirvana,
If there is a Bhikshu



Có thể diễn nói được
Kinh Diệu-Pháp-Hoa
này
Lòng không chút ghen
hờn
Không các não chướng-
ngại
Cũng lại không ưu-sầu
Và cùng mắng nhiếc
thả

Who is able to expound
Upon The Wonderful Dharma
Flower Sutra
With no thought of envy or anger,

With no affliction or obstruction,

He will have no worries
And no detractors.



Lại cũng không sợ-sệt
Không dao gậy đánh đập
Cũng không xua-đuôi ra
Vì an-trụ nhẫn
vậy
Người trí khéo tu-tập
Tâm mình được dường
ấy
Thời hay trụ an-lạc
Như ta nói ở trên

He also will not fear
Knives or staves,
Nor will he be exiled,
Because he is secure in his
patience.
The wise one is thus:
Cultivating well his mind,

He is secure in peace and comfort.
As I have explained above,



Công-đức của người đó
Trong nghìn muôn ức
kiếp

Tính kể hay thí-dụ
Nói chẳng thể hết
được.

7. -Lại Văn-Thù-Sư-
Lợi! Vị đại Bồ-tát ở đời
rốt sau lúc pháp gần diệt

This person's merit and virtue
Cannot be exhaustively described

By means of number or parable
Throughout ten of millions of
eons.”

7. Further, Manjushri, in the future
ending age, when the Dharma is
about to become extinct, the



mà thọ-trì đọc-tụng kinh-
điển này, chớ ôm lòng
ghen-ghét dua-dối, cũng
chớ khinh mắng người
học Phật đạo, vạch tìm
chỗ hay dở của kia. Nếu
hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-
ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di,
hoặc cầu Thanh-Văn,
hoặc cầu Duyên-giác,

Bodhisattva Mahasattva who
receives, upholds, reads, or recites
this Sutra should harbor no
thoughts of envy, flattery, or
deceit. He should also not ridicule
or malign those who study the
Buddha Way, nor should he seek
their strengths or weaknesses. If
there are Bhikshus, Bhikshunis,
Upasakas, Upasikas, those who



hoặc cầu Bồ-tát đạo, đều không được làm nã đó, khiến cho kia sinh lòng nghi-hối mà nói với người đó rằng: “Các người cách đạo rất xa, trọn không thể được bậc nhất-thiết chủng-trí”. Vì sao? “Vì các người là kẻ buông-lung, biếng trễ

seek to be Hearers, Pratyekabuddhas, or those who seek the Bodhisattva Way, he should not torment them or cause them to have doubts by saying to them, “You are all very far from the Path, and you will never obtain the wisdom of all modes. Why not? Because you are careless and lax in the Way.” Further, he should



đối với đạo”. Lại cũng
chẳng nên hí-luận các
pháp có chỗ tranh cãi.
Phải ở nơi tất cả chúng-
sinh, khởi tưởng đại-bi,
đối với các đức Như-Lai
sinh tưởng như cha lành,
đối với các Bồ-tát, tưởng
là bậc đại-sư, với các
Đại Bồ-tát ở mười-

not frivolously discuss the Dharma
for the sake of argument.” “He
should give rise to thoughts of
great compassion towards all
living beings and think of all the
Tathagatas as compassionate
fathers, all Bodhisattvas as great
Masters. Always he should deeply
revere and pay respect to all the
great Bodhisattvas of the ten



phương phải thâm tâm lễ
lạy, với tất-cả chúng-
sinh đều bình-đẳng nói
pháp. Vì thuận theo pháp
nên chẳng nói nhiều,
chẳng nói ít, nhân đến
người rất ưa pháp cũng
chẳng vì nói nhiều.

directions. He should speak
Dharma in equal measure for all
living beings. In accord with
Dharma, he should speak neither
too much nor too little; even to
those who deeply love the Dharma,
he should not speak too much.”



Văn-Thù-Sư-Lợi! Vị đại Bồ-tát ở đời rất sau lúc pháp muốn diệt nếu thành tựu được hạnh an-lạc thứ ba đây, thì lúc nói pháp này không ai có thể nào loạn được bạn đồng học tốt chung cùng đọc tụng kinh này,

“Manjushri, in the future age, when the Dharma is about to become extinct, it will be impossible to trouble or confuse a Bodhisattva Mahasattva who has accomplished this third happily-dwelling conduct when he is speaking the Dharma. He shall gain good fellow students with whom he may read and recite this



cũng được đại-chúng
thường đến nghe thọ.
Nghe rồi hay nhớ, nhớ
rồi hay tụng, tụng rồi
hay nói, nói rồi hay
chép, hoặc bảo người
chép, cúng-dường kinh
quyên cung-kính tôn
trọng ngợi khen.

Sutra. Large assemblies will gather
to listen to and accept it. Having
heard it, they will uphold it; having
upheld it, they will recite it; having
recited it, they will be able to
speak it; having spoken it, they
will be able to write it out; to cause
others to write it out; to make
offerings to it; to revere, honor,
and praise it.”



Lúc bảy giờ, đức Thế-Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

8. Nếu muốn nói kinh này
Phải bỏ lòng ghen
hờn
Ngạo dua-dối tà-ngụy

At that time, the World Honored One, wishing to restate his meaning, spoke verses, saying:

8. “If one wishes to speak this Sutra
He should rid himself of envy,
anger, and arrogance,
Flattery and deceitful thoughts.



Thường tu hạnh chất
trực
Chẳng nên khinh miệt
người
Cũng chẳng hí-luận pháp
Chẳng khiến kia nghi-
hỏi
Rằng người chẳng thành
Phật.

His practice should be honest and
straightforward;
He should not ridicule others
Or speak lightly of the Dharma,
Or cause others to have doubts
By telling them they shall not
obtain Buddhahood.



Phật-tử đó nói
pháp
Thường nhu-hòa hay
nhẫn
Từ-bi với tất cả
Chúng-sinh lòng biếng
trễ
Bồ-tát lớn mười-
phương

When this son of the Buddha
speaks the Dharma,
He is ever gentle, agreeable and
patient,
Compassionate towards all
And never slack in his efforts.

The great Bodhisattvas of the ten
directions



Thương chúng nên hành
đạo

Phải sanh lòng cung-
kính

Đó là Đại-sur
ta,

Với các Phật
Thế-Tôn

Tưởng là cha
vô-thượng,

Take pity on the multitudes and so
practice the Way.

He should bring forth a heart of
reverence,

Thinking, “These are my great
teachers.”

With regard to all the Buddhas,
World Honored Ones,

He should think of them as his
supreme fathers.



Phá nơi lòng

kiêu-mạn

Nói pháp không chướng-
ngại

Pháp thứ ba như thế

Người trí phải

giữ-gìn

Một lòng an-lạc

hạnh

He should break through all
thoughts of arrogance

And then speak the Dharma
without obstacle.

Such is the third dharma

Which the wise ones should
always guard.

With the single-minded happily-
dwelling conduct,



Vô-lượng chúng cung-
kính.

9. -Lại Văn-Thù-Sư-
Lợi! Các vị đại
Bồ-tát ở đời rốt sau lúc
pháp gần diệt có vị nào
trì kinh Pháp-Hoa này ở
trong hàng người tại-gia,
xuất-gia sanh lòng từ

One is revered by limitless
multitudes.”

9. “Further, Manjushri, in the
future Ending Age, when the
Dharma is about to become
extinct, the Bodhisattva
Mahasattva who upholds the
Dharma Flower Sutra, should give
rise to thoughts of great kindness



lớn, ở trong hạng người
chẳng phải Bồ-tát sanh
lòng bi lớn, phải nghĩ thế
này: những người như
thế thì là mất lợi lớn.
Đức Như-Lai phương-
tiện tùy-nghi nói pháp
chẳng nghe, chẳng biết,
chẳng hay, chẳng hiểu,
chẳng tin, chẳng hỏi.

for those at home and those who
have left home. He should give rise
to thoughts of great compassion for
those who are not Bodhisattvas.”
“He should think, ‘People like this
are missing a great deal. Although
the Tathagata speaks the Dharma
expediently and appropriately, they
do not hear, know, or awaken to it.
They do not inquire into it, believe



Người đó dầu chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu kinh này, lúc ta được vô-thượng chính-đẳng chính-giác, người đó tùy ở chỗ nào, ta dùng sức thần-thông, sức trí-huệ dẫn dắt đó khiến được trụ trong pháp này.

it, or understand it.” “Although these people do not inquire into, believe, or understand this Sutra, still, when I obtain anuttarasamyaksambodhi, wherever they happen to be, I will use the power of spiritual penetrations and the power of wisdom to lead them to abide within this Dharma.”



Văn-Thù-Sư-Lợi! Vị đại Bồ-tát đó ở sau lúc Như-Lai diệt-độ nếu thành-tựu được pháp thứ tư này thời lúc nói pháp này không có lầm-lỗi, thường được hàng Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc-vương, vương-tử, đại-

“Manjushri, after the Nirvana of the Tathagata, the Bodhisattva Mahasattva, who accomplishes this, the fourth dharma, shall be free from error when he speaks this Dharma.” “He will always receive offerings from and be revered, honored, and praised by Bhikshus, Bhikshunis, Upasakas, Upasikas, kings princes, great ministers,



thần nhân-dân bà-la-
môn, cư-sĩ thấy cúng-
dường cung-kính tôn-
trọng ngợi-khen, hàng
chư thiên ở trên hư-
không vì nghe pháp cũng
thường theo hầu. Nếu ở
trong xóm làng thành ấp,
rừng cây vắng-vẻ, có
người đến muốn gạn hỏi,

common people, Brahmans, lay
people and so on. The gods in
empty space will always follow
and serve him in order to hear the
Dharma. If, in villages and cities or
in the wilds or forests, someone
wishing to pose difficult questions
approaches him, all the gods, for
the sake of the Dharma, will
protect him day and night, and he



hàng chur thiên ngày đêm
thường vì pháp mà hộ vệ
đó, có thể khiến người
nghe đều được vui
mừng.

Vì sao? Vì kinh này
được sức thần của tất cả
đức Phật thuở quá-khứ,
vị-lai, hiện-tại giữ-gìn

will cause the listeners to be
joyful.”

“Why is this? This Sutra is
protected by the spiritual powers of
all the Buddhas of the past,
present, and future.” “Manjushri,



vậy. Văn-Thù-Sư-Lợi!
Kinh Pháp-Hoa này ở
trong vô-lượng cõi nước,
nhấn đến danh tự còn
chẳng được nghe, hà
huống là được thấy thọ
trì, đọc tụng.

Văn-Thù-Sư-Lợi! Thí
như vua Chuyển-luân-

throughout countless eons, it is not
possible even to hear the name of
the Dharma Flower Sutra, much
less to see, receive, uphold, read,
or recite it.”

“Manjushri, it is like a powerful
wheel-turning sage king who



thánh-vương (10) sức
lực mạnh-mẽ muốn dùng
uy-thể hàng phục các
nước, mà các vua nhỏ
chẳng thuận mệnh-lệnh,
bấy giờ Chuyên-luân-
thánh-vương đem các
đạo binh ra đánh dẹp,
vua thấy binh chúng
những người đánh giặc

wishes to subdue other countries
by force.

But all the lesser kings do not
follow his commands. The wheel-
turning king then mobilizes his
various troops and goes to punish
them.

Seeing his troops successful in
warfare, he is greatly delighted and



có công, liền rất vui mừng theo công mà thưởng ban. Hoặc ban cho ruộng, nhà, xóm, làng, thành, ấp, hoặc ban cho đồ y-phục trang-nghiêm nơi thân, hoặc cho các món trân-bảo, vàng, bạc, lưu-ly, xa-cừ, mã-nã, san-hô, hồ-

rewards them, according to their merits, giving them fields, houses, villages, cities, countries or else clothing, personal ornaments, or various precious treasures of gold, silver, lapis lazuli, mother-of-pearl, carnelian, coral, or agate: or elephants, horses, carriages, servants, or subjects.”



phách, voi, ngựa, xe, cộ,
tôi-tớ, nhân-dân, chỉ viên
minh-châu trong búi tóc
chẳng đem cho đó.

Vì sao? Vì riêng trên
đỉnh vua có một viên
châu này, nếu đem cho
đó thời các quyền-thuộc
của vua ắt rất kinh lạ.

“Only the bright pearl on his cowl,
that alone, he does not give away.

Why not? Only the king can wear
this pearl on his crown. If he gave
it away, the king's retinue would
surely be greatly astonished.”



Văn-Thù-Sư-Lợi! Như-Lai cũng như thế, dùng sức thiên-định trí-huệ được cõi nước pháp, giáo-hóa trong ba cõi mà ma-vương chẳng khứng thuận-phục, các tướng hiền thánh của Như-Lai cùng ma đánh nhau. Những người có công

“Manjushri, the Tathagata is also like this. Through the use of the powers of Dhyana samadhi and wisdom, he has gained the country of the Dharma and is king of the three realms. Still, the demon kings refuse to submit. The Tathagata's generals, the worthy ones and sages, do battle with them. With those who are successful, he is



lòng cũng vui mừng, ở trong hàng chúng vì nói các kinh khiến tâm kia vui thích, ban cho các pháp thiên-định, giải-thoát, vô-lậu căn-lực. Và lại ban cho thành Niết-Bàn, bảo rằng được diệt-độ để dẫn dắt lòng chúng làm cho đều được vui

delighted. For the four assemblies, he speaks the Sutras, causing their hearts to rejoice. He confers upon them the Dhyana concentrations, the liberations, the lack of outflow, the roots, and the powers, and all the wealth of the Dharma. He further bestows upon them the city of Nirvana, telling them that they shall attain cessation. He guides



mừng, mà chẳng vì đó
nói kinh Pháp-Hoa này.

Văn-Thù-Sư-Lợi! Như
vua Chuyển-Luân thấy
các binh chúng những
người có công lớn, đem
viên minh-châu khó tin
từ lâu ở trong búi tóc

their thoughts, causing them all to
rejoice.” “But he does not speak
the Dharma Flower Sutra.”

“Manjushri, eventually the Wheel-
turning king, seeing among his
troops those who have been greatly
successful, is overjoyed, and at last
gives them the incredible pearl
which he has long worn in his top-



chẳng vọng cho người,
mà nay cho đó.

Đức Như-Lai cũng lại
như thế, làm vị đại Pháp-
vương trong ba cõi, đem
pháp mầu giáo-hóa tất cả
chúng-sanh. Thấy quân
hiền-thánh cùng ma ngũ-
âm, ma phiền-não (7),

knot, and which he would never
casually give away.”

“So, too, is it with the Tathagata.
As the great king of the Dharma
within the three realms, he uses
Dharma to teach and transforms all
living beings. Seeing the army of
worthy ones and sages doing battle
with the demons of the five



ma chết, đánh nhau có công lao lớn, diệt ba độc, khỏi ba cõi, phá lưới ma.

Lúc ấy Như-Lai cũng rất vui mừng, kinh Pháp-hoa này có thể khiến chúng-sinh đến bậc “nhất-thiết-trí” là pháp

skandhas, the demons of afflictions, and the demons of death, and being greatly successful extinguishing the three poisons, escaping the three realms, and rending the nets of the demons, the Tathagata is greatly pleased. He then speaks to them the Dharma Flower Sutra which can lead living beings to All-Wisdom, which



mà tất cả thế gian nhiều oán-ghét, khó tin, trước chưa từng nói mà nay nói đó.

Văn-Thù-Sư-Lợi! Kinh Pháp-Hoa này là lời nói bậc nhất của Như-Lai, ở trong các lời nói thời là rất sâu, rốt sau mới ban

meets with resentment and disbelief in all the world, and which he has never spoken of before.”

“Manjushri, the Dharma Flower Sutra is the foremost among the Tathagata's teachings. Among all the teachings it is the most profound, and it is only bestowed



cho, như vua sức mạnh
kia lâu giữ gìn viên
minh-châu mà nay mới
cho đó.

Văn-Thù-Sư-Lợi! Kinh
Pháp-Hoa này là tạng bí-
mật của các đức Phật
Như-Lai, ở trong các
kinh thời là bậc trên hết,

at the very end, just like that bright
pearl which the powerful king long
kept and then gave away.

Manjushri, the Dharma Flower
Sutra is the secret treasury of all
the Buddhas, Tathagatas. Among
all the Sutras it is the highest. In
the long night of time it has been



lâu ngày giữ-gìn chẳng
vọng tuyên nói, mới ở
ngày nay cùng với các
ông mà bày nói đó. Lúc
đó, đức Thế-Tôn muốn
tuyên lại nghĩa trên mà
nói kệ rằng:

10. -Thường tu-hành
nhẫn-nhục

guarded and never recklessly
expounded. Today, for the first
time, I am speaking it for you.” At
that time the World Honored One,
wishing to restate this meaning,
spoke verses saying,

10. “Always practicing patience,



Thương xót tất cả chúng
Mới có thể diễn nói
Kinh của Phật khen
ngợi.

Đời mạt-thế về sau
Người thọ-trì kinh này
Nên sanh lòng
từ-bi
Với tại-gia,
xuất-gia

And being merciful to all,
One will then be able to proclaim
This Sutra praised by the Buddhas.

In the future Ending Age,
Those who uphold this Sutra,
Should bring forth kindness and
compassion
For those at home, those who have
left home,



Và chẳng phải
Bồ-tát,
Những người đó chẳng
nghe
Chẳng tin kinh pháp này
Thời là mất lợi lớn
Khi ta chứng Phật-
đạo
Dùng các sức phương-
tiện

And those who are not
Bodhisattvas,
Thinking, “Those who do not hear
Or believe this Sutra
Suffer a great loss.
When I have gained the Buddha
Way
I shall use expedients



Vì nói kinh pháp này
Làm cho trụ trong đó.
Thí như vua Chuyển-
Luân
Thánh-vương có sức
mạnh
Binh tướng đánh có công
Thưởng ban những đồ
vật
Voi, ngựa và xe-cộ

To speak this Dharma for them
So they may abide within it.”
It is like a powerful
Wheel-turning king
Who bestows rewards
Upon soldiers successful in battle:
Elephants, horses, carriages,



Đồ trang-nghiêm nơi
thân,

Và những ruộng cùng
nhà

Xóm làng thành ấp thảy

Hoặc ban cho y-phục

Các món trân báu lạ

Tôi-tớ cùng của cải

Đều vui mừng ban cho,

Nếu có người mạnh-mẽ

Personal ornaments,

As well as fields, houses,

Villages, cities and countries.

Or he may give clothing

Or various rare treasures,

Servants or other valuables,

Giving them joyfully.

Should there be a hero



Hay làm được việc khó
Vua mới mở búi
tóc
Lấy minh-châu cho đó.
Đức Như-Lai cũng thế
Là vua trong các pháp
Nhẫn-nhục sức rất lớn
Tặng báu trí-huệ sáng
Dùng lòng từ-bi
lớn

Who can do difficult deeds,
The king will take from his top-
knot
His bright pearl, and give it to him.
The Thus Come One is also thus.
As king of all the Dharmas,
With patience, great power
And the precious store of wisdom,
With great kindness and
compassion,



Đúng như pháp

độ-đời

Thấy tất cả mọi người

Chịu các điều khổ-não

Muốn cầu được giải-

thoát

Cùng các ma đánh nhau

Phật vì chúng-sanh đó

Nói các món kinh pháp

He transforms the world according
to the Dharma.

He sees all people

Suffering pain and agony,

Seeking liberation,

And battling with the demons.

For these living beings

He speaks various Dharmas.



Dùng sức phương-tiện
lớn

Nói các kinh điển đó,
Đã biết loài chúng-sanh

Được sức mạnh kia rồi

Rốt sau mới vì chúng

Nói kinh Pháp-Hoa

này

Như vua thánh mở

tóc

Using great expedients,

He teaches them the Sutras.

Once he knows that living beings

Have become strong,

Then at the very end

He speaks the Dharma Flower for
them.

This is like the king who unties his
top-knot



Lấy minh-châu cho đó.
Kinh này là bậc tôn
Trên hết trong các kinh
Ta thường giữ-gìn luôn
Chẳng vọng vì mở bày
Nay chính đã phải lúc
Vì các ông mà nói.
Sau khi ta diệt-độ
Người mong cầu Phật-
đạo

And gives away his bright pearl.
Highest among the host of Sutras,
This Sutra is venerable.
I always guard and protect it,
And never speak it recklessly.
But now the time is exactly right
To speak it for all of you.
After my extinction,
Those who seeks the Buddha Way,



Muốn được trụ an-ổn
Diễn nói kinh pháp này
Phải nên thường gần-gũi
Bốn pháp trên như thế.
Người đọc tụng kinh này
Thường không bị ưu-não
Lại không có bệnh
đau
Nhan-sắc được trắng
sạch

Who wish to gain peace and ease,
And to proclaim this Sutra
Should draw near
Such Dharmas as these four.
Those who read this Sutra
Will have no worries or afflictions;
They will be free from the pain of
sickness,
With a countenance fresh and
clear.



Chẳng sanh nhà bần-
cùng

Dòng ti-tiện xấu-xa

Chúng-sanh thường ưa
thấy.

Như ham-mộ hiền-thánh

Các đồng-tử cõi trời

Dùng làm kẻ sai khiến

Dao gậy chẳng đến

được

They would not be born poor,

Lowly, or ugly.

Living beings will be happy to see
them,

As if they were longed-for sages.

All the children of the gods

Will act as their messengers.

Knives and staves will not hurt
them,



Độc dữ chẳng hại được
Nếu người muốn mắng-
nhiếc

Miệng thì liền ngậm bít
Đạo đi không sợ-sệt
Dường như sư-tử vương
Trí-huệ rất sáng-suốt
Như mặt trời chói sáng.
Nếu ở trong chiêm-bao
Chỉ thấy những việc tốt

Poisons will not harm them,
And should someone revile them,

His mouth will be stopped up.

They shall roam fearlessly

Like the lion king.

The light of their wisdom

Will shine like the sun.

In dreams they will see

Only wonderful things.



Thấy các đức Như-Lai
Ngồi trên tòa sư-tử
Các hàng chúng tỳ-kheo
Vây quanh nghe nói
pháp.

Lại thấy các long-
thần

Cùng A-tu-la thấy
Số như cát sông Hằng
Đều cung-kính chấp tay

They may see the Tathagatas
Seated on their lion thrones,
Surrounded by a host of Bhikshus
As they speak the Dharma.

They will also see the dragons,
spirits,
Asuras, and so forth,
In number like the Ganges' sands
Reverent, with palms joined.



Tự ngó thấy thân
mình
Mà vì chúng nói pháp.
Lại thấy các đức
Phật
Thân tướng thuần sắc
vàng
Phóng vô-lượng hào-
quang
Soi khắp đến tất cả

They will see themselves
appearing
To speak the Dharma for them.
Further, they will see all the
Buddhas,
Their bodies of golden hue

Emitting limitless lights,
Illumining all,



Dùng giọng tiếng phạm-
âm

Mà diễn nói các pháp

Phật vì hàng

tứ-chúng

Nói kinh pháp vô-
thượng

Thấy thân mình ở
trong

And proclaiming all the Dharmas

With the Brahma sound.

The Buddhas, for the four-fold
host,

Will speak the supreme Dharma.

They shall see themselves there,
too,



Chấp tay khen-ngợi
Phật

Nghe pháp lòng vui
mừng

Mà vì cúng-dường Phật

Được pháp Đà-la-ni

Chúng bậc bất-thối-
trí,

Phật biết tâm người đó

With palms joined, praising the
Buddhas.

Hearing the Dharma, they will
rejoice

And make offerings.

They will gain the Dharanis,
And certify to non-retreating
wisdom.

The Buddhas, knowing their minds



Đã sâu vào Phật-
đạo
Liên vì thọ-ký
cho
Sẽ thành tối chính-
giác.
Thiện-nam-tử người
này!
Sẽ ở đời vị-lai
Chúng được vô-lượng trí

Have deeply entered the Buddha
Way,
And will then bestow upon them a
prediction
For the realization of the most
proper enlightenment.
Saying, “You, Good Men,

Shall in the future age,
Attain limitless wisdom,



Nên đạo lớn của Phật,
Cõi nước rất nghiêm
tịnh
Rộng lớn không đâu
bằng
Cũng có hàng tứ-chúng
Chắp tay nghe nói
pháp.
Lại thấy thân của mình
Ở trong rừng núi vắng

And the Great Way of the Buddha.
Your lands shall be adorned and
pure,
Vast and incomparable,

And the four assemblies there
Will listen to the Dharma with
palms joined.”
They will also see themselves
Dwelling in the mountain forests,



Tu-tập các pháp lành
Chứng thực-tướng các
pháp
Sâu vào trong thiền-
định
Thấy các Phật mười-
phương
Các Phật thân sắc vàng
Trăm phước tướng
trang-nghiêm

Practicing wholesome dharmas,
Certifying to the Real Mark,
Deeply entering Dhyana
concentration,
And seeing the Buddhas of the ten
directions.
The Buddhas, with golden bodies,
Will be adorned with the marks of
a hundred blessings.



Nghe pháp vì người
nói

Thường có mộng tốt
đó.

Lại mộng làm quốc-
vương

Bỏ cung-điện quyền-
thuộc

Và ngũ-dục thượng
diệu

Hearing their Dharma, they will
speak it to others.

And always have good dreams like
these.

They will also dream of being a
king

Who, forsakes his palace and
retinue,

As well as fine objects of the five
desires,



Đi đến nơi đạo-tràng
Ở dưới gốc Bồ-Đề
Mà ngồi tòa sư-tử
Cầu đạo quá bảy ngày
Được trí của các Phật
Thành đạo vô-thượng rồi
Dậy mà chuyển pháp-
luân
Vì bốn-chúng nói
pháp

To enter a Bodhimanda.
There, beneath the Bodhi tree,
They sit upon the lion throne,
Seeking the Way for seven days,
And gaining the Buddha's wisdom.
After realizing the supreme Way,
They rise and turn the Dharma
wheel,
And speak the Dharma for the
four-fold host.



Trải nghìn muôn ức
kiếp
Nói pháp mầu
vô-lậu
Độ vô-lượng chúng-sinh
Sau sẽ vào Niết-bàn
Như khói hết đèn
tắt.
Nếu trong đời ác sau

Throughout thousands of myriads
of millions of eons,
They speak the non-outflow
wondrous Dharma,
And saves limitless living beings.
Later they enter Nirvana,
As a lamp goes out when its fuel is
gone.
If, in the future evil age,



Nói pháp bậc nhất
này
Người đó được lợi lớn
Các công-đức như trên.

They can speak this foremost
Dharma,
They shall gain great benefit,
Merit, and virtue as told above.”



KINH DIỆU PHÁP LIÊN
HOA – Quyển 5

Hán dịch: Tam Tạng Pháp
Sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Hòa thượng
Thích Trí Tịnh

LOTUS SUTRA
Volume V

Chinese translation: Tripitaka
Dharmabhāṅga Kumārajīva
English translation: [City of
Ten Thousand Buddhas, USA.](#)

Light adaptation by: support@daotrangtayphuong.org

Conventions:

- Text absent in Vietnamese: English text put in footnotes or in Appendixes or in []
- Text absent in English: Put in italic font if translated.
- Bold *italic*: Using translation from <http://evdhamma.org/index.php/sutras/lotus-nirvana/lotus-sutra/>



- *[italic]* in Vietnamese: differences among Vietnamese versions

KINH DIỆU PHÁP
LIÊN HOA
PHẨM “TÙNG-ĐỊA
DŨNG XUẤT” THỨ
MƯỜI LĂM

1. -Lúc bảy giờ, các vị
đại Bồ-tát ở cõi nước
phương khác đông hơn

LOTUS SUTRA

Welling forth from the Earth

Chapter 15

1. At that time the Bodhisattvas
Mahasattvas, who had come from
other lands in numbers exceeding



số cát của tám sông
Hằng, ở trong đại-chúng
đứng dậy chấp tay làm lễ
mà bạch Phật rằng:
“Thế-Tôn! Nếu bằng
lòng cho chúng con lúc
sau khi Phật diệt-độ ở tại
cõi Ta-Bà này siêng tu
tinh tấn, giữ-gìn đọc-
tụng, biên chép, cúng-

the grains of sand in eight Ganges
Rivers, rose up in the great
assembly, placed their palms
together, made obeisance, and said
to the Buddha, “World Honored
One, if you will allow us, after the
Buddha’s quiescence, here in this
Saha world we will with ever-
increasing vigor protect, maintain,
read, recite, write out, and make



dường kinh-điển này, thời chúng con sẽ ở trong cõi đây mà rộng nói đó”.

Khi đó Phật bảo các chúng đại Bồ-tát: “Thiện nam-tử! Thôi đi chẳng cần các ông hộ-trì kinh này. Vì sao? Vì cõi Ta-

offerings to this Sutra, and we will proclaim it far and wide throughout this land.”

The Buddha then told the host of Bodhisattvas Mahasattvas, “Stop! Good men, you do not need to protect and maintain this Sutra. Why not? Within my Saha world



bà của ta tự có chúng đại Bồ-tát số đông bằng số cát của sáu muôn sông Hằng. Mỗi vị Bồ-tát có sáu muôn hằng-hà-sa quyền-thuộc, những người đó có thể sau khi ta diệt-độ hộ-trì đọc tụng rộng nói kinh này”.

itself there are Bodhisattvas Mahasattvas equal in number to the sands of sixty thousand Ganges Rivers, each of whom has a retinue equal in number to the sands of sixty thousand Ganges Rivers. After my quiescence, all of them will protect, uphold, read, recite, and vastly proclaim this Sutra.”



2. -Lúc Phật nói lời đó, cõi Ta-Bà trong tam-thiên đại-thiên cõi nước đất đều rung nứt, mà ở trong đó có vô-lượng nghìn muôn ức vị đại Bồ-tát đồng thời vọt ra. Các vị Bồ-tát đó thân đều sắc vàng, đủ ba mươi hai tướng tốt cùng

2. Just as the Buddha said this, the earth in the three thousand great thousand lands in the Saha world trembled and split open, and from its midst limitless thousands of tens of thousands of millions of Bodhisattvas Mahasattvas simultaneously welled forth. All of those Bodhisattvas possessed golden-hued bodies, the thirty-two



vô-lượng ánh-sáng, trước đây đều ở dưới cõi Ta-Bà này, cõi đó trụ giữa hư-không. Các vị Bồ-tát đó nghe tiếng nói của đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật nên từ dưới mà đến. Mỗi vị Bồ-tát đều là bậc đạo thủ trong đại chúng, đều đem theo sáu

marks, and limitless light. They had been dwelling beneath the Saha world in the space belonging to this world. Upon hearing the sound of Shakyamuni Buddha's voice, all the Bodhisattvas came up from below. Each one of the Bodhisattvas was a leader who instructed and guided a great multitude. Each had a retinue



muôn hằng-hà-sa quyển-
thuộc, huống là những vị
đem năm muôn, bốn
muôn, ba muôn, hai
muôn, một muôn hằng-
hà-sa quyển thuộc.
Huống là nhân đến
những vị đem một hằng-
hà-sa, nửa hằng-hà-sa,
một phần hằng-hà-sa,

numbering as many as the sand
grains of sixty thousand Ganges
Rivers. Still others had retinues
numbering as many as the sand
grains of fifty thousand, forty
thousand, thirty thousand, twenty
thousand, or ten thousand Ganges
Rivers. Others had retinues
numbering as many as the sand
grains of one Ganges River, one



nhấn đến một phần trong nghìn muôn ức na-do-tha phần hằng-hà-sa quyển-thuộc. Huống là những vị đem nghìn muôn ức na-do-tha quyển-thuộc, huống là đem muôn ức quyển-thuộc, huống là đem nghìn trăm muôn nhấn đến một muôn,

half a Ganges River, one fourth, and on down to one thousandth of a ten thousandth of a millionth of a nayuta of a Ganges River. Other had retinues numbering in the billions of nayutas. Others had retinues numbering in the hundreds of millions. Others had retinues numbering in the tens of millions, the millions, and on



huống là đem một nghìn, một trăm nhân đến mười quyền thuộc, huống là năm, bốn, ba, hai, một người đệ-tử. Huống lại là những vị riêng một mình ưa hạnh viễn-ly, số đông vô lượng vô-biên dường ấy, tính đếm thí-dụ chẳng có thể biết được.

down to the tens of thousands. Others had a thousand or a hundred and on down to ten. Others had five, four, three, or two disciples, down to one disciple. Still others came alone, preferring isolation. And so it was that their numbers were limitless and boundless, beyond the power of calculation or analogy to make



3. -Các vị Bồ-tát đó từ dưới đất lên, đều đến nơi tháp đẹp bảy báu, chỗ của đức Đa-Bảo Như-Lai và Thích Ca Mâu-Ni Phật, đến nơi rồi hướng về hai vị Thế-Tôn mà đầu mặt lạy chân Phật,

known.

3. Having welled forth from the earth, all the Bodhisattvas went to the Wonderful Stupa of Seven Jewels in space, where the Thus Come One Many Jewels and Shakyamuni Buddha were. Arriving there, they turned toward the two World Honored Ones and



và đến chỗ các đức Phật
ngồi trên tòa sư-tử dưới
cội cây báu, cũng đều
làm lễ. Đi quanh bên mặt
ba vòng, chắp tay cung-
kính dùng các cách ngợi-
khen của Bồ-tát mà
ngợi-khen Phật, rồi đứng
qua một phía, ưa vui

bowed with their heads at those
Buddhas' feet. They went on to
where all the Buddhas were seated
on lion thrones beneath jeweled
trees, bowed to them,
circumambulated them three times
to the right, put their palms
together respect-fully, and praised
them with various Bodhisattva
praises. Then they withdrew to one



chiêm-nguỡng hai đấng
Thế-Tôn.

Từ lúc các vị BỒ-tát do
từ dưới đất vọt lên dùng
các cách ngợi-khen của
BỒ-tát mà khen-ngợi
Phật, thời gian đó trải
qua năm mươi tiểu-kiếp.

side and gazed joyfully at the two
World Honored Ones.

From the time the Bodhisattvas
Mahasattvas first welled forth
from the earth, and while they
praised the Buddhas with various
Bodhisattva praises, a period of
fifty small eons elapsed.



Bảy giờ, đức Thích-Ca
Mâu-Ni Phật nín lặng
ngồi yên, cùng hàng tứ-
chúng cũng đều nín lặng,
năm mươi tiểu kiếp, vì
do sức thần của Phật,
khiến hàng đại-chúng
cho là như nửa ngày.

During that time, Shakyamuni
Buddha remained seated in
silence, and the four assemblies
were silent for fifty small eons as
well. Because of the Buddha's
spiritual power, all in the great
assembly thought only half a day
had passed.



Bảy giờ, hàng tứ-chúng cũng nhờ sức thần của Phật, thấy các BỒ-tát đầy khắp vô-lượng nghìn muôn ức cõi nước hư-không.

4. -Trong chúng BỒ-tát đó có bốn vị đạo sư:
1. Thượng-Hạnh.

At that time the four assemblies were also able, because of the Buddha's spiritual power, to see all the Bodhisattvas completely filling the space of limitless hundreds of thousands of myriads of millions of lands.

4. Among the multitude of Bodhisattvas Mahasattvas were four leaders. The first was named



2. Vô-biên-Hạnh.

3. Tịnh-Hạnh.

4. An-Lập-Hạnh.

Bốn vị Bồ-tát này là bậc
thượng-thủ Xướng-đạo
sư trong chúng đó,
ở trước đại-chúng, bốn
vị đồng chấp tay nhìn

Superior Practice, the second was
named Boundless Practice, the
third was named Pure Practice,
and the fourth was named Secure
Practice. These four Bodhisattvas,
among the assembly, were the
foremost leaders, the spokesmen
and guides. Before the great
multitudes, they joined their palms
together, contemplated



đức Thích-Ca Mâu-Ni
Phật mà hỏi thăm rằng:
“Thưa Thế-Tôn! Có
được ít bệnh, ít nã, an-
vui luôn chẳng, những
người đáng độ thọ-giáo
dễ chẳng, chẳng làm cho
đức Thế-Tôn sinh mỗi
nhọc chẳng?”

Shakyamuni Buddha, made deep
bows from the waist and said,
“World Honored One, are you in
good health and free from worry?
Are you peaceful and happy in
your practice? Are those who
should be crossed over receptive
to the teaching? They do not cause
the World Honored One
weariness, do they?”



Khi đó, bốn vị BỒ-tát nói
kệ rằng:

Thế-Tôn được
an-vui

Ít bệnh cùng ít nã,
Giáo hóa các chúng-
sanh,

Được không mỏi nhọc
ư?

The four Great Bodhisattvas then
spoke verses, saying:

“Is the World Honored One happy
and at peace,

Free from worry and disease?

In teaching and transforming
beings,

Is he free from weariness?



Lại các hàng chúng-sanh
Thọ hóa có dễ chăng?
Chẳng làm cho
Thế-Tôn
Sanh nhọc mệt đó ư?

5. -Lúc bấy giờ đức
Thế-Tôn ở trong đại-
chúng Bồ-tát mà nói
rằng: “Đúng thế! Đúng

And further, do living beings
Receive transformation easily?
They do not cause the World
Honored One
To become fatigued, do they?”

5. The World Honored One then,
in the midst of the great host of
Bodhisattvas, said this: “So it is,
so it is, good men. The Thus Come



thế! Các thiện-nam tử!
Đức Như-Lai an vui, ít
bệnh, ít nã, các hàng
chúng-sinh hóa-độ được
dễ, không có nhọc mệt.

Vì sao? Vì các chúng-
sinh đó, từ nhiều đời
nhẫn lại, thường được ta
dạy bảo, mà cũng từng ở

One is peaceful and happy, free
from disease and worry. All the
living beings are easy to transform
and cross over, and they do not
cause me weariness.

Why is this? All these living
beings, in lifetime after lifetime,
have always received my teaching,
and they have also paid reverence



nơi các Phật quá-khứ, cung-kính, tôn-trọng, trông các cội lành. Các chúng-sanh đó vừa mới thấy thân ta, nghe ta nói pháp, liền đều tín nhận, vào được trong huệ của Như-Lai, trừ người trước đã tu-tập học-hành tiểu-thừa; những người như

to and venerated the Buddhas of the past, thereby planting the roots of goodness. *So when these living beings see me for the first time and listen to my preaching, they all immediately believe and accept it, entering into the wisdom of the Thus Come One, with the exception of those who earlier practiced and studied the Lesser*



thể ta cũng khiến được
nghe kinh này, vào trong
huệ của Phật”.

Lúc ấy các vị Bồ-tát nói
kệ rằng:

Hay thay! Hay thay!
Đức đại-hùng Thế-Tôn

*Vehicle. And now I will make it
possible for these persons to listen
to this sutra and enter the wisdom
of the Buddha”.*

At that time the Great
Bodhisattvas spoke these verses:

“Good indeed, good indeed,
Great Hero, World Honored One,



Các hàng chúng-sanh
thảy
Đều hóa độ được dễ
Hay hỏi các đức Phật
Về trí-huệ rất sâu
Nghe pháp rồi
tin làm
Chúng con đều tùy-hỷ.

That all the living beings

Are easy to transform and save,
That they can ask about the
Buddha's deep wisdom
And, having heard it, believe and
practice it.
We all rejoice accordingly.”



Khi đó, đức Thế-Tôn khen-ngợi các vị đại Bồ-tát thượng-thủ: “Hay thay! Hay thay! Thiện-nam-tử! Các ông có thể đối với đức Như-Lai mà phát lòng tùy-hỷ”.

6. -Bấy giờ ngài Di-Lặc Bồ-tát cùng tám nghìn

Then the World Honored One praised the leaders of all those Great Bodhisattvas: “Good indeed, good indeed, that you good men have brought forth a heart of rejoicing in accord with the Thus Come One.”

6. At that time Maitreya Bodhisattva and the Bodhisattvas



hằng-hà-sa các chúng
Bồ-tát đều nghĩ rằng:

“Chúng ta từ xưa nhân
lại chẳng thấy, chẳng
nghe các chúng đại Bồ-
tát như thế, từ dưới đất
vọt lên, đứng trước đức
Thế-Tôn, chắp tay cúng-

in the multitudes, numbering as
many as the sand grains in eight
thousand Ganges Rivers, all had
this thought: “From of old, we
have never seen or heard of these
Great Bodhisattvas Mahasattvas
who have welled forth from the
earth and who are standing before
the World Honored One, joining
their palms, making offerings,



đường thăm hỏi Như-Lai”.

Lúc đó, ngài Di-Lặc Bồ-tát biết tâm-niệm của tám nghìn hằng-hà-sa chúng Bồ-tát, cùng muốn tự giải quyết chỗ nghi của mình, bèn chấp

bowing from the waist, and inquiring after his welfare.”

Then Maitreya Bodhisattva Mahasattva, knowing the thoughts in the minds of the Bodhi-sat-tvas and others, num-ber-ing as many as the sand grains in eight thousand Ganges Rivers, and wishing as well to resolve his own



tay hướng về phía Phật,
nói kệ hỏi rằng:

Vô-lượng nghìn muôn
ức
Các Bồ-tát đại-chúng
Từ xưa chưa từng
thấy

doubts, placed his palms together,
faced the Buddha, and spoke
verses.

“These limitless thousands of
myriads of kotis of
Bodhisattvas forming a great host,
Such as we have never seen
before.



Nguyện đấng Lương-
Túc nói
Là từ chốn nào đến
Do nhân-duyên gì nhóm
Thân lớn đại
thần-thông
Trí huệ chẳng nghĩ bàn
Chí niệm kia bền vững
Có sức nhẫn-nhục
lớn

We pray the Doubly-Complete
Honored One
Will tell us where they came from
And why they are gathered here.
They have huge bodies, great
spiritual penetrations,
And inconceivable wisdom.
They are solid in resolve and will,
And possess the great power of
patience.



Chúng-sinh chỗ ưa
thấy

Là từ chốn nào đến?

Mỗi mỗi hàng Bồ-tát

Đem theo các quyến-
thuộc

Số đông không thể lường

Như số hằng-hà-sa

Hoặc có đại Bồ-tát

Living beings delight in seeing
them.

But where did they come from?

Each and every Bodhisattva

Has brought a retinue

Limitless in number,

Like the Ganges sand grains.

Some of the Great Bodhisattvas



Đem

sáu muôn

hàng-sa

Các đại-chúng như thế

Một lòng cầu Phật-

đạo,

Những đại-sư đó thấy

Sáu muôn

hàng-hà-sa

Lead retinues of beings as many as

The sand grains in sixty thousand

Ganges Rivers.

Such are the great assemblies

Single-mindedly seeking the

Buddha Way.

These Great Masters,

In number like the sand grains in

sixty thousand Ganges Rivers,



Đều đến cúng-dường
Phật
Cùng hộ-trì kinh
này.
Đem
năm muôn
hàng-sa
Số này hơn số trên
Bốn muôn và
ba muôn

Have all come to make offerings
to the Buddha
And to protect and uphold this
Sutra.
Those with retinues comprised of
as many as the sand grains in fifty
thousand Ganges Rivers
Are even more in number.
Those with retinues numbering
forty, or thirty thousand,



Hai muôn đến một muôn
Một nghìn một trăm thảy
Nhãn đến
một hăng-sa
Nửa và ba
bốn phần
Một phần trong ức
muôn
Nghìn muôn
na-do-tha

Twenty down to ten thousand,
One thousand, one hundred,
And so forth, down to the sand
grains of a single Ganges River,
And those with a half, a third, or a
quarter thereof,
Down to one ten thousandth of a
millionth thereof,
Or one thousandth of a ten
thousandth of a nayuta thereof,



Muôn ức các
đệ-tử
Nhẫn đến đem nửa ức
Số đông lại hơn trên.
Trăm
muôn
đến một muôn
Một nghìn và một trăm
Năm mươi cùng một
mươi

And the ones with tens of
thousands of millions of disciples,
on down to half a million,
Are even more numerous.
There are also those with hundreds
of tens of thousands,
Or tens of thousands
Thousands, or hundreds,
Fifty, or ten,



Nhẫn đến ba, hai, một
Riêng mình không
quyền-thuộc
Ưa thích ở riêng vắng
Đều đi đến chỗ Phật
Số đây càng
hơn trên.
Các đại-chúng như thế
Nếu người phát thể đếm

Down to three, two, or one,
And those who come alone
without a retinue,
Preferring isolation—
All these come before the Buddha
In numbers surpassing those just
stated.
So large is the assembly,
That were one to count them



Quá nơi kiếp
hàng-sa

Còn chẳng thể biết
hết.

Các vị oai-đức lớn

Chúng Bồ-tát tinh-tấn

Ai vì đó nói pháp

Giáo-hóa cho

thành-tựu

For eons numbering more than
Ganges sand grains,
Still one could not fully know
them.

All these of great awesome virtues
vigorous host of Bodhisattvas

Who spoke the Dharma

Teaching, transforming, and
bringing them to accomplishment?



Từ ai, đầu
phát tâm?

Xung-dương Phật-pháp
nào?

Thọ-trì tu
kinh gì?

Tu-tập Phật-đạo
nào?

Các Bồ-tát như thế

Under whom did they first bring
forth their resolve?

Whose Buddhadharma do they
praise and proclaim?

Whose Sutras do they receive,
uphold, and practice?

And which Buddha's Way do they
cultivate?

Such are the Bodhisattvas' powers



Thần-thông sức trí
lớn
Đất bốn-phương
rúng
nứt
Đều từ đất vọt lên
Thế-Tôn! Con từ xưa
Chưa từng thấy việc đó
Xin Phật nói danh-hiệu
Cõi nước của kia ở.

Of spiritual penetrations and great
wisdom,
That throughout the four
directions,
The earth quakes and splits open,
And they rise out of it.
World Honored One, from of old,
I have never seen such a thing.
Pray tell us the names
Of the countries they come from.



Con thường qua các
nước
Chưa từng thấy chúng
này
Con ở trong chúng đây
Bèn chẳng quen một
người
Thoạt vậ từ đất
lên

I am always roaming through the
lands,
But I have never seen this
assembly.
I do not recognize
A single one of them.

Suddenly they have welled forth
out of the earth.



Mong nói nhân-duyên
đó.

Nay trong đại-hội này
Vô-lượng trăm nghìn
ức

Các chúng Bồ-tát đây
Đều muốn biết việc này
Hàng Bồ-tát chúng kia
Gốc ngọn nhân duyên
đó

Please explain the reason why.

Now in this great assembly,
The limitless hundreds of
thousands of millions
Of Bodhisattvas all
Wish to understand this event:
Of this host of Bodhisattvas.
The causes and conditions, first to
last,



Thế-Tôn đức
vô-lượng

Cúi mong quyết lòng
nghĩ.

7. -Khi ấy các vị Phật
của đức Thích-Ca Mâu-
Ni phân thân, từ vô-
lượng nghìn muôn ức cõi
nước ở phương khác

O World Honored One of limitless
virtue,

We only pray you will resolve the
assembly's doubts.”

7. At that time all the division
bodies of Shakyamuni Buddha,
who had come from limitless
thousands of myriads of kotis of
lands in other directions, sat in



đến, ngồi xếp bằng trên
tòa sư-tử, dưới các gốc
cây báu nơi trong tám
phương. Hàng thị-giả
của Phật đó, đều thấy
đại-chúng Bồ-tát ở bốn-
phương cõi tam-thiên
đại-thiên, từ đất vọt lên
trụ trên hư-không, đều
bạch với Phật mình rằng:

lotus posture on lion thrones
beneath jeweled trees throughout
the eight directions. The attendants
of those Buddhas, seeing this great
assembly of Bodhisattvas of the
three thousand great thousand
worlds welling forth from the
earth in the four directions and
dwelling in space, each said to his
respective Buddha, “World



“Thế-Tôn! Các đại-chúng vô-lượng vô-biên a-tăng-kỳ Bồ-tát đó, từ chốn nào mà đến?”

Lúc ấy các đức Phật đều bảo thị-giả: “Các Thiện-nam tử! Hãy chờ giây lát, hiện có vị đại Bồ-tát tên là Di-Lặc, là vị mà

Honored One, where have all the limitless boundless, asamkhyeyas of Bodhisattvas in this great host come from?”

Each of those Buddhas then told his attendants, “All of you good men, just wait one moment! There is a Bodhisattva Mahasattva named Maitreya, upon whom



đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật thọ-ký kể đây sẽ làm Phật đả hỏi việc đó, đức Phật sẽ đáp, các ông tự đương, nhân đây mà được nghe”.

8. -Bảy giờ, đức Thích-Ca Mâu-ni Phật bảo ngài Di-Lặc Bồ-tát: “Hay

Shakyamuni Buddha has bestowed a prediction that he shall be the next Buddha. He has already asked about this matter, and the Buddha is about to answer him. For this reason, you may all hear about it.”

8. Shakyamuni Buddha then said to Maitreya Bodhi-sattva, “Good indeed, good indeed, Ajita, that



thay! Hay thay! A-Dật-
Đa (9), bèn có thể hỏi
Phật việc lớn như thế,
các ông phải chung một
lòng, mặc giáp tinh-tấn,
phát ý bèn vững. Nay
đức Như-Lai muốn hiển-
phát tuyên-bày trí-huệ
của các đức Phật, sức
thần-thông tự-tại của các

you can ask the Buddha about
such a great matter.” “You should
all single-mindedly don the armor
of vigor and bring forth a firm
resolve.” “The Thus Come One
now wishes to disclose and
proclaim the wisdom of all
Buddhas , the power of all
Buddhas’ sovereignty and spiritual
penetrations, the power of all



đức Phật, sức sư-tử
mạnh nhanh của các đức
Phật, sức oai thể mạnh
lớn của các đức Phật”.

Khi đó, đức Thế-Tôn
muốn tuyên lại nghĩa
trên mà nói kệ rằng:
Phải một lòng
tinh-tấn

Buddhas’ lion sprint, and the
power of all Buddhas’ awesome
courage and mighty strength.”

At that time, the World Honored
One, wishing to restate these
principles, spoke verses:
“You should be vigorous and
single-minded.



Ta muốn nói việc
này

Chớ nên có nghi-hối

Trí Phật chẳng nghĩ

bàn

Ông nay gắng sức

tin

Trụ nơi trong nhẫn

thiện

For I wish to speak about this
matter.

Hold no doubts or regrets—

The wisdom of the Buddhas is
inconceivable.

Bring forth, now, the power of
faith,

And abide in patience and
goodness,



Chỗ pháp xưa chưa
nghe
Nay đều sẽ được nghe
Nay ta an-ủi ông
Chớ ôm lòng nghi sợ
Phật không lời chằng
thực
Trí-huệ chằng nghĩ
bàn

For the Dharma which from of old
has never been heard,
You are now about to hear.
I am comforting you now,
So have no doubt or fear.
The Buddhas never speak falsely,

And their wisdom cannot be
measured.



Phật được pháp bậc
nhất
Rất sâu khó phân
biệt
Như thế nay sẽ
nói
Các ông một lòng
nghe.

That foremost Dharma they have
gained
Is extremely profound, beyond
discerning.
As such, it should now be
explained,
And you should single-mindedly
listen.”



9. -Khi đức Thế-Tôn nói
kệ đó, bảo ngài Di-Lặc
Bồ-tát: “Nay ta ở trong
đại-chúng này, tuyên bảo
các ông.

A-Dật-Đa! Các hàng đại
Bồ-tát vô-lượng vô-số a-
tăng-kỳ, từ dưới đất vọt
ra mà các ông từ xưa
chưa từng thấy đó,

9. The World Honored One,
having recited those verses, then
said to Maitreya Bodhi-sattva, “In
this great assembly, I now make
this announcement to all of you:
Ajita! These incalculable
asamkhyeyas of Great
Bodhi-sattvas Mahasattvas, who
have welled forth from the earth
and whom you have never seen



chính ta ở cõi Ta-bà lúc
được vô-thượng chánh-
đẳng chánh-giác rồi,

giáo-hóa chỉ dẫn các Bồ-
tát đó, điều-phục tâm kia
khiến phát đạo-tâm.

before, are those whom I taught,
transformed, and guided in this
Saha World after I attained
Anuttara-samyak-sambodhi. I
tamed and subdued the minds of
these Bodhi-sattvas, causing them
to bring forth the resolve for the
Way.”



Các vị Bồ-tát đó, ở phía dưới cõi Ta-bà, cõi đó trụ giữa hư-không, ở trong các kinh điển đọc tụng thông lẹ, suy ngẫm rõ hiểu, nghĩ tưởng chân-chánh. A-Dật-Đa! Các Thiện-nam-tử đó chẳng thích ở trong chúng nhiều nói bàn,

“All of these Bodhi-sattvas live in the space beneath the Saha World. They have read and recited all the Sutras until they have penetrated them thoroughly. They have pondered their meanings in detail and have been properly mindful of them.” “Ajita! All these good men take no delight in dwelling with the multitudes or in much talk.



thường ưa ở chỗ vắng,
siêng tu tinh-tấn chưa
từng thôi dứt. Cũng
chẳng nương tựa người
trời mà ở, thường ham
trí-huệ sâu không có
chướng-ngại, cũng
thường ham nơi pháp
của đức Phật, chuyên

They always enjoy living in quiet
places where they practice with
diligence and vigor, never resting.
They do not take up residence with
humans or gods.” “They always
delight in deep wisdom and have
no obstacles. They also always
delight in the Dharmas of all
Buddhas. With single-minded
vigor they seek supreme wisdom.”



lòng tinh-tấn cầu huệ vô-
thượng.

Lúc đó, đức Thế-Tôn
muốn tuyên lại nghĩa
trên mà nói kệ rằng:

A-Dật ông nên biết!
Các Bồ-tát lớn này
Từ vô-số kiếp lại

At that time the World Honored
One, wishing to restate this
meaning, spoke verses, saying:

“Ajita, you should know,
For countless eons,
All these Great Bodhisattvas,



Tu-tập trí-huệ
Phật
Đều là ta hóa-độ
Khiến phát đại-đạo
tâm
Chúng đó là con ta
Y chỉ thế-giới này
Thường tu-hạnh đầu-đà
Chỉ thích ở chỗ vắng
Bỏ đại-chúng ồn náo

Have cultivated and practiced the
Buddha-wisdom.
I taught them all,
Causing them to bring forth the
great resolve for the Way.
They are all my disciples,
Dwelling in this world system.
Ever practicing the work of dhuta,
They delight in quiet places.
Renounce the bustle of crowds,



Chẳng ưa nói bàn nhiều,
Các vị đó như thế
Học tập đạo-pháp
ta
Ngày đêm thường tinh-
tấn
Vì để cầu Phật-đạo
Ở phương dưới Ta-bà
Trụ giữa khoảng hư-
không

And take no delight in much talk.
These disciples
Study and practice the Dharma of
my Way,
Vigorous always, day and night,

They seek the Buddha Way.
They dwell in the space
Beneath this Saha world,



Sức chí niệm
bền-vững
Thường siêng cầu
trí-tuệ
Nói các món pháp
mầu
Tâm kia không sợ-sệt.
Ta ở thành Già-Da
Ngồi dưới gốc Bồ-Đề

Solid and powerful in resolve and
will.
They are ever diligent, seeking
wisdom.
They speak various Wonderful
Dharmas,
With no fear in their hearts.
In the City of Gaya,
Sitting beneath the Bodhi Tree,



Thành bậc tối
chánh-giác
Chuyển pháp-luân vô-
thượng
Rồi mới giáo-hóa
đó
Khiến đều phát
đạo-tâm
Nay đều trụ
bất-thối

I realized the most proper
enlightenment
And turned the supreme Dharma-
wheel.
Only then did I teach and
transform them,
Causing them first to bring forth
their resolve for the Way.
Now they all dwell in
irreversibility,



Đều sẽ được thành Phật.

Nay ta nói lời thực

Các ông một lòng

tin

Ta từ lâu xa lại

Giáo-hóa các chúng

đó.

10. -Lúc bảy giờ, ngài

Di-Lặc Bồ-tát cùng vô-

số chúng Bồ-tát, lòng

And shall all become Buddhas.

I now speak the truth,

You should believe it with a single

mind.

For endless eons,

I have taught and transformed

these multitudes.”

10. At that time Maitreya

Bodhisattva Mahasattva and the

countless Bodhi-sat-tvas gave rise



sinh nghi-hoặc, lấy làm lạ chưa từng có mà nghĩ rằng: “Thế nào đức Thế-Tôn ở trong thời-gian rất ngắn mà có thể giáo-hóa vô-lượng vô-biên a-tăng-kỳ các đại Bồ-tát đó, làm cho trụ nơi vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác”.

to doubts in their minds. Puzzling over this unprecedented occurrence, they thought, “How could the World Honored One, in such a short space of time, have taught and transformed such limit-less, boundless, asamkhyeyas of Great Bodhisattvas and caused them to dwell in Anuttara-samyak-sambodhi?”



Liên bạch Phật rằng:
“Thế-Tôn! Đức Như-Lai
lúc làm Thái-Tử rời khỏi
cung dòng Thích, ngồi
nơi đạo-tràng cách thành
Già-Da chẳng bao xa,
được thành vô-thượng
chánh-đẳng chánh-giác.
Từ đó đến nay mới hơn
bốn mươi năm, đức Thế-

Just then they spoke to the
Buddha, saying, “World Honored
One, when the Thus Come One
was a crown prince, he left the
Shakya Palace and went to a place
not far from the city of Gaya
where he sat in the Bodhimanda
and realized
Anuttara-samyak-sambodhi. From
that time until now, only forty-



Tôn thể nào ở trong thời-
gian ngắn đó làm nên
Phật sự lớn! Do thể-lực
của Phật, do công-đức
của Phật, giáo-hóa vô-
lượng chúng Bồ-Tát lớn
như thế sẽ thành vô-
thượng chánh-đẳng
chánh-giác?

some years have elapsed. How, in
such a short space of time, could
the World Honored One have done
such great Buddha work—using
the Buddha’s mighty power and
the Buddha’s merit and virtue to
teach and transform such limitless
hosts of Great Bodhisattvas so that
they can realize
Anuttarasamyaksambodhi?”



Thế-Tôn! Chúng đại Bồ-tát này giả sử có người trong nghìn muôn ức kiếp đếm không thể hết, chẳng được ngần mé, chúng đó từ lâu nhận lại, ở nơi vô-lượng vô-biên các đức Phật, trông các gốc lành, thành-tựu đạo

“World Honored One, the multitudes of Great Bodhisattvas are such that if a person were to try to count them through--out thousands of myriads of millions of eons, he could not finish or reach their limit. From endless eons in the presence of limit-less, boundless numbers of Buddhas, they have planted good roots and



Bồ-tát thường tu phạm-hạnh.

Thế-Tôn! Việc như thế đời rất khó tin.

Thí như có người sắc đẹp tóc đen, tuổi hai mươi lăm, chỉ người

accomplished the Bodhisattva Way, always cultivating Brahma conduct.”

“World Honored One, a matter such as this is hard for those in the world to believe.” “It is as if, by way of analogy, there were a handsome man, twenty-five years old and with shiny black hair, who



trăm tuổi, nói đó chỉ là con của ta.

Người trăm tuổi nọ cũng chỉ gã tuổi nhỏ nói là cha ta, để nuôi ta thấy, việc đó khó tin. Đức Phật cũng như thế.

pointed to hundred-year-old men and said, ‘These are my sons.’

Then suppose the hundred-year-old men pointed to that young man and said, ‘He is our father, the one who begot and reared us.’ Such a thing would be hard to believe.

“The Buddha is also like this.



Từ lúc thành đạo nhẫn
đến nay, kỳ thực chưa
bao lâu, mà các đại-
chúng Bồ-tát đó, đã ở
nơi vô-lượng nghìn
muôn ức kiếp, vì Phật-
đạo nên siêng tu tinh-tấn,
khéo nhập xuất trụ nơi
vô-lượng nghìn muôn ức

It has really not been long since he
at-tained the Way. On the other
hand, the great hosts of
Bodhisattvas have already,
throughout limitless thousands of
myriads of millions of eons,
practiced with diligence and vigor
for the sake of the Buddha Way.
They are well able to enter, leave,
and dwell in limitless hundreds of



tam-muội (11)

được thần-thông lớn, tu
hạnh thanh-tĩnh đã lâu,

khéo hay thứ đệ tập các
pháp lành, giỏi nơi vấn-
đáp, là báu quý trong
loài người, tất cả thế-
gian rất là ít có.

thousands of myriads of millions
of samadhis. They have attained
great spiritual powers and have
long cultivated Brahma conduct.
They are well able to practice in
succession all wholesome
dharmas, and their questions and
answers are clever. They are
jewels among human-kind,
extremely rare in the world.



Ngày nay đức Thế-Tôn
mới nói,
lúc được Phật đạo, bắt
đầu khiến kia phát tâm,
giáo-hóa chỉ dạy dìu-dắt,
làm cho kia hướng về
vô-thượng chánh-đẳng
chánh-giác.

Yet, just now, the World Honored
One said that only when the
Buddha attained the Way did he
cause them to first bring forth their
resolve. By teaching,
transforming, and guiding them,
he led them toward
Anuttarasamyaksambodhi.”



Đức Thế-Tôn thành Phật chưa bao lâu mà bèn có thể làm được việc công-đức lớn này.

Chúng con dầu lại tin Phật tùy cơ-nghi nói pháp, lời Phật nói ra chưa từng hư-vọng, chỗ

“It has not been long since the World Honored One gained Buddhahood, and yet he has been able to do these great and meritorious deeds!”

“We believe that the Buddha speaks in accord with what is appropriate, that the Buddha has never spoken falsely, that the



Phật biết thấy đều thông
suốt,
như các Bồ-tát mới phát
tâm,
sau khi Phật diệt-độ nếu
nghe lời này
hoặc chẳng tin nhận,

sinh nhân-duyên tội-
nghiệp phá chánh-pháp.

Buddha's under-standing is
complete and penetrating.”
“However, when Bodhisattvas
who have just brought forth the
resolve hear these words after the
Buddha's quiescence, they may
not believe or accept them. On the
contrary, they may give rise to the
causes and conditions for the
offense karma incurred in



Kính thưa Thế-Tôn!
Mong vì chúng giải nói
trừ lòng nghi của chúng
con, và các-thiện-nam-tử
đời vị-lai nghe việc này
rồi cũng chẳng sanh
nghi.

destroying the Dharma.”

“This being the case, World
Honored One, we hope that you
will explain in order to dispel our
doubts, and so that those good
people of the future who hear of
this matter also will not give rise
to doubts.”



Lúc đó ngài Di-Lặc
muốn tuyên lại nghĩa
trên mà nói kệ rằng:

11. -Phật xưa từ dòng
Thích
Xuất-gia gần
Già-da
Ngồi dưới cây Bồ-đề

At that time, Maitreya
Bodhisattva, wishing to restate this
meaning, spoke verses, saying:

11. “In the past, the Buddha of the
Shakyan line
Left home and drew near the city
of Gaya
To sit beneath the Bodhi Tree,



Đến nay còn chưa
xa.

Các hàng Phật-tử này
Số đông không thể lường
Lâu đã tu Phật-
Đạo

Trụ nơi sức
thần-thông
Khéo học đạo
Bồ-tát

And it has not been long since
then.

All these disciples of the Buddha,
Incalculable in their number,
Have long practiced the Buddha
Way

And now dwell in the power of
spiritual penetrations.

Well have they studied the
Bodhisattva Way.



Chẳng nhiễm pháp thế-
gian
Như hoa sen trong
nước
Từ đất mà
vọt ra
Đều sanh lòng cung-kính
Đứng nơi trước Thế-
Tôn,

Undefined by worldly dharmas,
Like a lotus flower floating on the
water,
They have welled forth from the
earth.
All give rise to reverent hearts,
As they stand before the World
Honored One.



Việc đó khó
nghĩ bàn
Thế nào mà tin được
Phật được đạo
rất gần
Chỗ thành-tựu
rất nhiều
Mong vì trừ lòng
nghĩ

Such a thing is hard to conceive
of,
How can it be believed?
The Buddha only recently attained
the Way,
Yet his accomplishments are so
very many.
Please dispel the doubts of the
assembly



Như thực phân-biệt
nói

Thí như người trẻ mạnh
Tuổi mới hai mươi lăm
Chỉ người trăm tuổi già
Tóc bạc và mặt
nhăn:

Bọn này của ta sinh
Con cũng nói là
cha

And tell us how this can actually
be.

It is as if a strong young man,
Only twenty-five years of age,
Pointed to hundred-year old men
With white hair and wrinkled
faces

And said, “These are my sons.”
And the sons also said, “He is our
father.”



Cha trẻ mà con già
Mọi người đều chẳng
tin.
Thế-Tôn cũng như
thế
Được đạo đến nay
gần
Các chúng Bồ-Tát này
Chí vững không khiếp
nhược

A father so young with sons so old
Is a thing hard for the world to
believe.
The World Honored One is also
like this;
He has only recently attained the
Way
And all these Bodhisattvas
Of firm resolve, neither weak nor
indecisive,



Từ vô-lượng kiếp lại

Mà tu đạo

Bồ-tát.

Giỏi nơi gạn hỏi

đáp

Tâm kia không sợ-sệt

Nhẫn-nhục lòng quyết-

định

Đoan-chánh có

uy-đức

Throughout limitless eons

Have practiced the Bodhisattva

Way.

Clever in answering difficult
questions,

They have no fear in their minds.

Patient under insult, resolute in
their thoughts,

They are upright and proper,
possessing awesome virtue.



Mười-phương Phật
khen-ngợi
Khéo hay phân-biệt
nói
Chẳng thích ở trong
chúng
Thường ưa ở
thiền-định,
Vì cầu Phật đạo
vậy

Praised by the Buddhas of the ten
directions,
Skilled in their ability to
distinguish and explain,
They take no delight in being with
the multitudes,
But always prefer Dhyana
concentration.
Because they seek the Buddha
Way,



Trụ hư-không phương
dưới.

Chúng con từ Phật nghe

Nơi việc này không
nghĩ

Nguyện Phật vì người
sau

Diễn nói khiến rõ
hiểu,

They have been dwelling in the
space below.

Hearing this from the Buddha,
We have no doubts about this
matter,

But we hope that the Buddha will,
for those of the future,

Give explanations to cause them to
understand.



Nếu người ở kinh
này
Sanh nghi lòng chẳng tin
Liên phải đọa đường
dữ
Mong nay vì giải
nói:
Vô-lượng Bồ-tát đó
Thế nào thời-gian
ngắn

For if they were to give rise to
doubts
And fail to believe this Sutra,
They would thereupon fall into the
evil paths.
Presently we have asked for this
explanation
Of these limitless Bodhisattvas
And how, in such a short space of
time,



Giáo-hóa

khiến phát
tâm

Mà trụ bậc
bất-thối?

You have taught and transformed
them,

Causing them to bring forth the
resolve

And to dwell on the Ground of
Irreversibility.”



KINH DIỆU PHÁP LIÊN
HOA – Quyển 5

Hán dịch: Tam Tạng Pháp
Sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Hòa thượng
Thích Trí Tịnh

LOTUS SUTRA
Volume V

Chinese translation: Tripitaka
Dharmabhāṅga Kumārajīva
English translation: [City of
Ten Thousand Buddhas, USA.](#)

Light adaptation by: support@daotrangtayphuong.org

Conventions:

- Text absent in Vietnamese: English text put in footnotes or in Appendixes or in []
- Text absent in English: Put in italic font if translated.
- Bold *italic*: Using translation from <http://evdhamma.org/index.php/sutras/lotus-nirvana/lotus-sutra/>



- *[italic]* in Vietnamese: differences among Vietnamese versions

KINH DIỆU PHÁP
LIÊN HOA
PHẨM “NHƯ LẠI
THỌ LƯỢNG” THỨ
MƯỜI SÁU

1. -Lúc bảy giờ, Phật bảo các Bồ-tát và tất cả đại-chúng: “Các thiện-

LOTUS SUTRA

The Thus Come One's Life Span

Chapter 16

1. At that time the Buddha spoke to the Bodhisattvas and the entire great assembly, saying, “Good



nam-tử! Các ông phải tin hiểu lời nói chắc thực của Như-Lai”. Lại bảo đại-chúng: “Các ông phải tin hiểu lời chắc thực của Như-Lai”.

men, you should believe and understand the sincere and truthful words of the Thus Come One.” Once again he told the great assembly, “You should believe and understand the sincere and truthful words of the Thus Come One.”



Lại bảo đại-chúng: “Các ông phải tin hiểu lời nói chắc thực của Như-Lai”.

Lúc đó đại-chúng Bồ-tát, ngài Di-Lặc làm đầu, chấp tay bạch Phật rằng:

He again told the great assembly, “You should believe and understand the sincere and truthful words of the Thus Come One.”

Then the great assembly of Bodhisattvas, headed by Maitreya, placed their palms together and spoke to the Buddha, saying,



“Thế-Tôn! Cúi mong nói đó, chúng con sẽ tin nhận lời Phật”. Ba phen bạch như thế rồi lại nói: “Cúi mong nói đó, chúng con sẽ tin nhận lời Phật”.

“World Honored One we only pray that you will speak it. We shall believe and accept the Buddha’s words.” They repeated this three times. They again said, “We only pray that you will speak. We shall believe and accept the Buddha’s words.”



2. -Bảy giờ, đức Thế-Tôn biết các vị Bồ-tát ba phen thỉnh chẳng thôi, mà bảo đó rằng: “Các ông lắng nghe! Sức bí-mật thần-thông của Như-Lai, tất cả trong đời, trời, người và A-tu-la đều cho rằng nay đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật

2. At that time the World Honored One, knowing that the Bodhisattvas would not stop with three requests, spoke to them, saying, “You should listen attentively.” “The Thus Come One’s power of spiritual penetrations is acknowledged by all gods, humans, and asuras in the world. They say that Shakyamuni Buddha now, having left the palace



ra khỏi cung họ Thích,
cách thành Già-da chẳng
bao xa, ngồi nơi đạo-
tràng được vô-thượng
chánh-đẳng chánh-giác”.

Nhưng, thiện-nam-tử!
Thực ta thành Phật nhãn
lại đây, đã vô-lượng vô-
biên trăm nghìn muôn

of the Shakyana clan and having
gone to a place not far from the city
of Gaya to sit in the Bodhimanda,
has now attained
Anuttarasamyaksambodhi.”

“However, good men, I actually
realized Buddhahood limitless,
boundless, hundreds of thousands
of myriads of kotis of nayutas of



ức na-do-tha kiếp. Ví
như năm trăm nghìn
muôn ức na-do-tha a-
tăng-kỳ cõi tam-thiên
đại-thiên, giả-sử có
người nghiền làm vi-trần
qua phương đông, cách
năm trăm nghìn muôn
ức na-do-tha a-tăng kỳ
cõi nước, bèn rơi một

eons ago.” “Suppose a person were
to grind into fine motes of dust five
hundred thousand myriads of kotis
of nayutas of asamkhyeyas of three
thousand great thousand world
systems. Then, suppose he traveled
to the east across five hundred
thousand myriads of kotis of
nayutas of asamkhyeyas of lands,
and there he deposited one mote of



bụi trần, đi qua phía
đông như thế cho đến
hết vi-trần đó.

Các thiện-nam-tử! Ý
ông nghĩ sao? Các thế-
giới đó có thể suy gẫm
so tính biết được số đó
chăng?”

dust. Suppose he continued in this
way, traveling to the east, until all
the motes of dust were gone.”

“Good men, what do you think?
Could the number of worlds he
passed through be reckoned or
counted?”



Di-Lặc Bồ-tát, thấy đều
bạch Phật rằng: “Thế
Tôn! Các thế-giới đó vô-
lượng vô-biên, chẳng
phải tính được, đếm
được, cũng chẳng phải
tâm-lực biết đến được.
Tất cả Thanh-văn,
Duyên-giác dùng trí vô-
lậu, chẳng có thể suy-

Maitreya Bodhisattva and the
others all said to the Buddha,
“World Honored One, those world
systems would be limitless,
boundless, beyond calculation, and
beyond the power of the mind to
know. All the Hearers and
Pratyekabuddhas, using their non-
outflow wisdom, could not



nghĩ biết được hạn số
đó, chúng con trụ bậc
bất-thối, ở trong việc
này cũng chẳng thông
đạt.

Thế Tôn! Các thế-giới
như thế, nhiều vô-lượng
vô-biên”.

conceive of them or know their
limit or number.”

“We now dwell on the ground of
avaivartika, but we cannot
comprehend this matter,

World Honored One, and so such
world systems would be limitless
and boundless.”



3. -Bảy giờ, Phật bảo các chúng Bồ-tát: “Các Thiện-nam-tử! Nay ta sẽ tuyên nói rành-rõ cho các ông. Các thế-giới đó, hoặc dính vi-trần hoặc chẳng dính, đều nghiền cả làm vi-trần, cứ một trần là một kiếp, từ ta thành Phật nhân lại

3. At that time the Buddha spoke to the great hosts of Bodhisattvas, saying, “Good men, I shall now explain this clearly for you. If all these world systems—whether a dust mote were deposited in them or not—were reduced to dust motes, and if each dust mote were an eon, the time that has passed since I became a Buddha would



đến nay, lại lâu hơn số
đó trăm nghìn muôn ức
na-do-tha a-tăng-kỳ
kiếp. Từ đó nhân lại, ta
thường ở cõi Ta-bà này
nói pháp giáo-hóa, cũng
ở trong trăm nghìn
muôn ức na-do-tha a-
tăng-kỳ cõi nước khác

exceed even that by hundreds of
thousands of myriads of kotis of
nayutas of asamkhyeyas of eons.”
“From that time on, I have always
remained in the Saha world,
speaking the Dharma to teach and
transform beings. Also, in other
places, in hundreds of thousands of
myriads of kotis of nayutas of
asamkhyeyas of lands, I have



dắt dẫn lợi-ích chúng-
sanh.

Các Thiện-nam-tử! Nơi
chặng giữa đó ta nói
Phật Nhiên-Đăng v.v...
và lại có các đức Phật
nhập Niết-Bàn, như thế
đều là dùng phương tiện
để phân biệt.

guided and benefited living
beings.”

“Good men, in that interval, I
spoke of the Buddha Dipankara and
others, and I further spoke of them
as entering Nirvana. But those were
just discriminations made
expediently.”



Các Thiện-nam-tử! Nếu có chúng-sanh nào đến chỗ ta, ta dùng Phật nhãn quan-sát: tín v.v... các căn lợi độn của chúng, tùy theo chỗ đáng độ, nơi nơi tự nói văn-tự chẳng đồng, niên kỷ hoặc lớn, hoặc nhỏ,

“Good men, if a living being comes before me, I observe with my Buddha eye his faith and other qualities, as well as the keenness or dullness of his faculties, and take him across in an appropriate manner.” “In all places, although the names by which I refer to myself are different and my age may be older or younger, I also



cũng lại hiện nói sẽ nhập
Niết-bàn,
lại dùng các trí phương-
tiện nói pháp vi-diệu, có
thể làm cho chúng-sanh
phát lòng vui mừng.

Các Thiện-nam-tử!
Như-Lai thấy những

appear and announce that I am
about to enter Nirvana. I also
employ various expedient devices,
speaking the subtle and wonderful
Dharma and enabling living beings
to bring forth happiness in their
minds.”

“Good men, the Thus Come One,
seeing living beings delighting in



chúng-sanh ưa nơi pháp
tiểu-thừa, đức mỏng tội
nặng. Phật vì người đó
nói: Ta lúc trẻ xuất-gia
được vô-thượng chánh-
đẳng chánh-giác, nhưng
thực, từ ta thành Phật
nhẫn lại, lâu xa dường
ấy, chỉ dùng phương-
tiện giáo-hóa chúng-

lesser dharmas, beings of scanty
virtue and heavy with defilement,
speaks for these people, saying,
'When young, I left the home-life
and attained
Anuttara-samyak-sambodhi.' In
truth, however, I became a Buddha
a long time before that. I speak in
this way merely as an expedient to
teach and transform living beings



sanh, khiến vào Phật-
đạo, nên nói như thế.

4. -Các thiện-nam-tử!
Kinh-điển của đức Như-
Lai nói ra, đều vì độ
thoát chúng-sanh, hoặc
nói thân mình, hoặc nói
thân người, hoặc chỉ
thân mình, hoặc chỉ thân

and to cause them to enter the
Buddha-Way.”

4. “Good men, the Sutras
proclaimed by the Thus Come One
are all for the purpose of saving
and liberating living beings. He
may speak of his own body, or he
may speak of someone else’s body.
He may manifest his own body, or



người, hoặc chỉ việc mình, hoặc chỉ việc người, các lời nói đều thực chẳng dối.

Vì sao? Vì đức Như-Lai đúng như thực thấy biết tướng của tam-giới, không có sanh-tử, hoặc

he may manifest in someone else's body. He may manifest his own affairs, or he may manifest the affairs of others. But all that he says is true and not false.”

“What is the reason? The Thus Come One knows and sees the triple realm as it really is. There is no birth or death, no retreating or



thối, hoặc xuất, cũng không ở đời và diệt-độ, chẳng phải thực, chẳng phải hư, chẳng phải như, chẳng phải dị, chẳng phải như ba cõi mà thấy nơi ba cõi. Các việc như thế Như-Lai thấy rõ, không có sai lầm.

advancing, no existence in the world or passage into quiescence. There is no reality or unreality, no likenesses or differences. He views the triple realm as not being the triple realm. Matters such as these, the Thus Come One clearly sees, without mistake or error.”



Bởi các chúng-sinh có các món tính, các món dục, các món hạnh, các món nhớ tưởng phân-biệt, muốn làm cho sanh các căn lành, nên dùng bao nhiêu nhân-duyên, thí-dụ ngôn-từ, các cách nói pháp, chỗ làm Phật-sự, chưa từng tạm bỏ.

“Living beings have various natures, various desires, various modes of conduct, and various ideas, thoughts, and discriminations. Wishing to lead them to produce the roots of goodness, he employs divers causes and conditions, analogies, and expressions to explain the various dharmas, carrying out the Buddha’s



Như thế, từ ta thành Phật nhân lại, thực là lâu xa, thọ mạng vô-lượng a-tăng-kỳ kiếp, thường còn chẳng mất.

Các Thiện-nam-tử! Ta xưa tu-hành đạo Bồ-tát, cảm thành thọ-mạng, nay vẫn chưa hết, lại còn

work without respite.” “Thus since I realized Buddhahood in the very remote past, my life span has been limitless asamkhyeyas of eons, eternal and never extinguished.

Good men, the life span I realized when formerly practicing the Bodhisattva path has not yet been exhausted and is twice that of the



hơn số trên, nhưng nay
chẳng phải thực diệt-độ,
mà bèn xướng nói sẽ
diệt-độ. Đức Như-Lai
dùng phương-tiện đó,
giáo-hóa chúng-sanh.

Vì sao? - Vì nếu Phật ở
lâu nơi đời, thời người

above number.” “As I now
proclaim that I am about to enter
the quiescence, I am not really
passing into the quiescence. The
Thus Come One uses this passing
only as an expedient to teach and
transform living beings.”

“What is the reason? If the Buddha
were to stay in the world a long



đức mỏng, chẳng trồng
gốc lành, nghèo cùng
hèn-hạ, ham ưa năm
món dục, sa vào trong
lưới nhớ tưởng vọng-
kiến. Nếu thấy đức Như-
Lai thường còn chẳng
mất, bèn sinh lòng
buông-lung nhàm trễ,
chẳng có thể sanh ra ý

time, those of scanty virtue who do
not plant good roots, who are poor
and lowly, who covet to objects of
the five desires, and who are caught
in the net of schemes and false
views, seeing the Thus Come One
constantly present and not entering
stillness, would become arrogant,
lax, and indifferent. They would
not consider how difficult it is to



tưởng khó gặp-gỡ cùng lòng cung-kính, cho nên đức Như-Lai dùng phương-tiện nói rằng: “Tỳ-kheo phải biết, các đức Phật ra đời, khó có thể gặp gỡ”.

Vì sao? -Những người đức mỏng, trải qua trăm

encounter him, nor would their hearts be reverent.” “For these reasons, the Thus Come One expediently says, ‘Bhikshus, you should know that it is difficult to meet with a Buddha appearing in the world.’

What is the reason? Those of scant virtue may pass through limitless



ngàn muôn ức kiếp,
hoặc có người thấy Phật
hoặc người chẳng thấy,
do việc này, nên ta nói
rằng: “Tỳ-kheo! Đức
Như-Lai khó có thể
được thấy”.

Các chúng-sinh đó nghe
lời như thế, ắt sẽ sanh ý-

hundreds of thousands of myriads
of kotis of eons, during which time
they may or may not see a Buddha.
Because of that, I tell them,
‘Bhikshus, the Thus Come One is
difficult to get to see.’

These living beings, hearing such
words, will necessarily realize how



tưởng khó gặp-gỡ, ôm lòng luyến-mộ khát-ngưỡng nơi Phật, bèn trồng gốc lành, cho nên đức Như-Lai dầu chẳng diệt mà nói diệt-độ.

Lại Thiện-nam-tử!
Phương-pháp của các
đức Phật Như-Lai đều

difficult it is to get to encounter the Buddha and will cherish a longing for him. They will then plant good roots. That is why the Thus Come One, although he does not enter stillness, speaks of quiescence.”

Further, Good Men, the Dharma of all the Buddhas, Thus Come Ones, is like this and used to save living



như thế, vì độ chúng-sinh đều thực chẳng dối.

5. -Ví như vị lương-y, trí-huệ sáng-suốt, khéo luyện phương thuốc trị các bệnh. Người đó nhiều con cái, hoặc mười, hai mươi nhân đến số trăm, do có sự

beings. It is entirely true and not false.”

5. “It is as if there were a good physician, wise and well-versed in the medical arts and intelligent, who is skillful at healing the multitude of sicknesses. The man also has many sons—ten, twenty or even a hundred. Then, called away



duyên đến nước xa khác.
Sau lúc đó các người
con uống thuốc độc
khác, thuốc phát mê
loạn lăn-lộn trên đất.

Bấy giờ, người cha từ
nước xa trở về nhà. Các
con uống thuốc độc,
hoặc người mất bản tâm,

on business, he travels to a far-off
country.” “Meanwhile, the children
drink some poison, which causes
them to roll on the ground in
delirium.”

“Just then their father returns
home. Because they drank the
poison, some of the sons have lost
their senses, while others have not.



hoặc chẳng mất, xa thấy cha về đều rất vui mừng, quỳ lạy hỏi thăm: “An-lành về an-ôn. Chúng con ngu-si, lầm uống thuốc độc, xin cứu lành cho, lại ban thọ-mệnh cho chúng con”.

Seeing their father at a distance, they are all greatly happy. They bow to him, kneel, and inquire after him. ‘Welcome back in peace and safety. In our foolishness, we took some poison by mistake. We pray that you will rescue and heal us, and will restore our lives to us.’”



Cha thấy các con khổ
nãi như thế, y theo các
kinh phương, (12) tìm
cỏ thuốc tốt, mùi sắc vị
ngon, thấy đều đầy-đủ.
Đâm nghiền hòa-hợp,
đưa bảo các con uống
mà nói rằng: “Thuốc đại
lượng-dược này mùi sắc
vị ngon, thấy đều đầy

“Seeing his children in such agony,
the father consults his medical texts
and then searches for fine herbs of
good color, aroma, and flavor. He
then grinds, sifts, and mixes them
together, and gives the compound
to his sons to take” “He says to
them, ‘This is an excellent
medicine of good color, aroma, and
flavor. Take it. Your agony will be



đủ, các con nên uống, mau trừ khô-não, không còn lại có các bệnh-hoạn”.

Trong các con, những người chẳng thất tâm, thấy thuốc lương dược ấy, sắc hương đều tốt, liền bèn uống đó, bệnh

relieved, and you will suffer no further torment.””

“Some among the children have not lost their senses. Seeing the fine medicine with its good color and aroma they immediately take it, and their sickness is completely



trừ hết, được lành mạnh.
Ngoài ra, những người
thất tâm, thấy cha về dẫu
cũng vui mừng hỏi
thăm, cầu xin trị bệnh,
song trao thuốc cho mà
không chịu uống.

Vì sao? Vì hơi độc đã
thâm-nhập làm mất bản

cured.” “Although the others who
have lost their senses rejoice in
their father’s arrival, have inquired
after his well-being, and have
sought to be cured of their
illnesses, they refuse to take the
medicine.

What is the reason? The poisonous
vapors have entered them so deeply



tâm, nơi thuốc tốt thơm
đẹp này mà cho là
không ngon. Người cha
nghĩ rằng: “Người con
này đáng thương, bị
trúng độc, tâm đều điên-
đảo, dầu thấy ta về,
mừng cầu xin cứu lành,
nhưng thuốc tốt như thế,
mà chẳng chịu uống,

that they have lost their senses, and
so they say that the medicine of
good color and aroma is not good.”
“The father then thinks, ‘How
pitiful these children are. The
poison has confused their minds.
Although they rejoice to see me
and ask me to rescue and cure
them, still they refuse such good
medicine as this. I should now set



nay ta bày chước
phương-tiện, khiến
chúng uống thuốc này”.

Nghĩ thế rồi liền bảo
rằng: “Các con phải biết,
ta nay già suy, giờ chết
đã đến, thuốc “lương-
dược” tốt này nay để ở
đây, các con nên lấy

up an expedient device to induce
them to take this medicine.””

“Immediately he says, ‘You should
know that I am now old and weak,
and my time of death has arrived. I
will now leave this good medicine
here for you to take. Have no
worries about not recovering.’



uống, chớ lo không
lành”. Bảo thế, rồi lại
đến nước khác, sai sứ về
nói: “Cha các người đã
chết”.

Bấy giờ, các con nghe
cha chết, lòng rất sầu
khổ mà nghĩ rằng: “Nếu
cha ta còn, thương xót

Having instructed them in this way,
he then returns to the far-off
country and sends a messenger
back to announce, ‘Your father is
dead.’”

“When the children hear that their
father is dead, their hearts are
struck with grief, and they think, ‘If
our father was here, he would be



chúng ta, có thể được cứu hộ, hôm nay bỏ ta xa chết ở nước khác”. Tự nghĩ mình nay cô đơn, không có chỗ cậy nhờ, lòng thương bi cảm, tâm bèn tỉnh ngộ biết thuốc này, sắc hương vị ngon, liền lấy uống đó, bệnh độc đều

compassionate and pity us, and we would have a savior and protector. Now he has forsaken us to die in another country, leaving us orphaned with no one to rely upon.’ Constantly grieving, their minds then become awakened. They understand that the medicine has good color, aroma, and flavor. They take it immediately, and their



lành. Người cha nghe các con đều đã lành mạnh, liền trở về cho các con đều thấy.

Các Thiện-nam-tử! Ý ông nghĩ sao? Và có người nào có thể nói ông lương y đó mắc tội hư-

poisonous sickness is completely cured.” “The father, hearing that his sons have been completely cured, then comes back, and they all see him.”

“Good men, what do you think, could anyone say that this good physician has committed the offense of false speech?”



dối chǎng?

- Thừa Thế-Tôn, không thể được!

- Phật nói: “Ta cũng như thế, từ khi thành Phật đến nay đã vô-lượng vô-biên trăm nghìn muôn ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp, vì chúng sanh

- “No, World Honored One.”

- The Buddha said, “I, too, am like that. I realized Buddhahood limitless, boundless, hundreds of thousands of myriads of kotis of nayutas of asamkhyeyas of eons ago. For the sake of living beings, I



dùng sức phương-tiện
nói: “sẽ diệt độ”, cũng
không ai có thể đúng
như pháp mà nói ta lỗi
hư dối.

Khi đó, đức Thế-Tôn
muốn tuyên lại nghĩa
trên mà nói kệ rằng:

employ the power of expedients
and say that I am about to enter
quiescence. There is no one who
can rightly say that I have
committed the offense of false
speech.”

At that time the World Honored
One, wishing to restate this
meaning, spoke verses, saying,



6. -Từ ta thành Phật
lại
Trải qua các kiếp số
Vô-lượng trăm nghìn
muôn
A-tăng-kỳ ức
năm
Thường nói pháp giáo-
hóa
Vô-số ức chúng-sinh

6. “From the time I attained
Buddhahood,
The eons that have passed
Are limitless hundreds of
thousands of myriads
Of kotis of asamkhyeyas in
number.
I always speak the Dharma to teach
and transform
Countless millions of living beings,



Khiến vào nơi Phật-đạo
Đến nay vô-lượng
kiếp
Vì độ chúng-sinh vậy
Phương-tiện hiện Niết-
bàn
Mà thực chẳng
diệt-độ
Thường trụ đây nói
pháp.

So they enter the Buddha-Way.
And throughout these limitless
eons,
In order to save living beings,
I expediently manifest Nirvana.
But in truth I do not pass into
quiescence.
I remain here always speaking the
Dharma.



Ta thường trụ ở đây
Dùng các sức thần-
thông
Khiến chúng-sinh điên-
đảo
Dầu gần mà chẳng thấy
Chúng thấy ta
diệt-độ
Rộng cúng-dường Xá-
lợi

I always stay right here,
And using the power of spiritual
penetrations,
I cause inverted living beings,

Although near me, not to see me.
The multitudes see me as passing
into quiescence.
They extensively make offerings to
my sharira.



Thấy đều hoài luyến mộ
Mà sinh lòng khát-
ngưỡng,
Chúng-sinh đã
tín-phục
Ngay thực ý
diệu-hòa
Một lòng muốn thấy
Phật
Chẳng tự tiếc thân mạng

All cherish ardent longing for me,
And their hearts look up to me in
thirst.
Living beings, then faithful and
subdued,
Straightforward, with compliant
minds,
Single-mindedly wish to see the
Buddha,
Caring not for their very lives.



Giờ ta cùng chúng
tăng
Đều ra khỏi
Linh-Thúu
Ta nói với chúng-sinh
Thường ở đây chẳng
diệt
Vì dùng sức phương-
tiện

At that time I and the Sangha
assembly
All appear together on Magic
Vulture Mountain,
Where I say to living beings
That I am always here and never
cease to be.
But using the power of expedient
devices



Hiện có diệt chẳng
diệt.

Nước khác có chúng-
sinh

Lòng cung-kính tín-nhạo

Ta ở lại trong đó

Vì nói pháp vô-thượng

Ông chẳng nghe việc đó

Chỉ nói ta

diệt-độ.

I manifest "ceasing" and "not-
ceasing" to be.

For living beings in other lands,

Reverent, faithful, and aspiring,

then among them too

I speak the Unsurpassed Dharma;

But you who do not hear this

Think that I have passed into

quiescence.



Ta thấy các chúng-sanh
Chìm ở trong khổ-não
Nên chẳng vì hiện thân
Cho kia sanh khát-
ngưỡng
Nhân tâm kia
luyện-mộ
Hiện ra vì nói pháp
Sức thần-thông như
thế

I see living beings
Sunk in misery, and yet
I refrain from manifesting for them.
In order to cause them to look up in
thirst,
Then, when their minds are filled
with longing,
I emerge and speak the Dharma.
With such powerful spiritual
penetrations,



Ở trong vô-số kiếp
Thường tại núi Linh-
Thúu
Và các trụ xứ khác.
Chúng-sinh thấy tận
kiếp
Lúc lửa lớn thiêu đốt
Cõi ta đây an-ôn
Trời người thường đông
vây

Throughout asamkhyeyas of eons,
I remain always on Magic Vulture
Mountain
And also dwell in other places.
When beings see the eon ending
And ravaged by the great fire,
My land is peaceful and secure,
Always filled with gods and
humans,



Vườn rừng các nhà
gác
Những món báu trang-
nghiêm
Cây báu nhiều
hoa trái
Chỗ chúng-sinh vui
chơi
Các trời đánh trống trời

Gardens and groves, halls and
pavilions,
And various precious adornments.
There are jeweled trees with many
flowers and fruits
Where living beings roam in
delight.
The gods play celestial drums,



Thường trôi những kỹ
nhạc

Rưới hoa mạn-đà-la

Cúng Phật và
đại-chúng.

Tịnh-độ ta chẳng hư
Mà chúng thấy cháy

rã

Lo-sợ các khổ-não

Như thế đều đầy-dẫy

Always making various kinds of
music,

And mandarava flowers

Are scattered on the Buddha and
the great assembly.

My Pure Land is not destroyed,
But the multitudes see it being
burned entirely.

Worried, terrified, and miserable,
Such ones are everywhere.



Các chúng-sinh tội đó
Vì nhân-duyên nghiệp
dữ

Quá a-tăng-kỳ kiếp
Chẳng nghe tên Tam-
bảo.

Người nhu-hòa ngay
thực

Có tu các
công-đức

All these beings with offenses,
Because of their evil karmic causes
and conditions,

Pass through asamkhyeyas of eons,
Without hearing the name of the
Triple Jewel.

All who have cultivated merit and
virtue,

Who are compliant, agreeable, and
honest—



Thời đều thấy thân ta
Ở tại đây nói pháp.
Hoặc lúc vì chúng này
Nói Phật thọ
vô-lượng,
Người lâu mới thấy
Phật
Vì nói Phật khó
gặp.
Trí-lực ta như thế

They all see me
Here, speaking the Dharma.
Sometimes for this assembly,
I speak of the Buddha's life span as
limitless.
To those who see the Buddha only
after long intervals,
I speak of the Buddha as being
difficult to meet.
The power of my wisdom—



Tuệ-Quang soi
vô-lượng
Thọ-mạng vô-số
kiếp
Tu hành lâu cảm
được
Các ông người có trí
Chớ ở đây sinh nghi
Nên dứt khiến hết hẳn

The unlimited illumination of my
wisdom—
Is such that my life span is one of
countless eons
Attained through long cultivation
and work.
Those of you with wisdom,
Should not have doubts about this.
Cut them off entirely, and forever,



Lời Phật thật không
dối

Như lương-y chước
khéo

Vì để trị cuồng-tử

Thực còn mà nói
chết

Không thể nói
hư-dối.

Ta là cha trong đời

For the Buddha's words are real,
not false.

They are like the clever expedients
of the physician

Who, to cure his insane children,
Is actually alive, yet says he is
dead,

And none can say that he speaks
falsely.

I, too, am like a father to the world,



Cứu các người đau-khổ²
Vì phàm-phu
điên-đảo
Thực còn mà nói
diệt,
Vì có thường thấy
ta
Mà sinh lòng kiêu-tứ
Buông-lung ham ngũ-
dục

Saving all from suffering and woe.
But to living beings, inverted as
they are,
I speak of cessation, although I
actually remain.
Otherwise, because they often see
me,
They would grow arrogant and lax.
Unruly and attached to the five
desires,



Sa vào trong đường
dũ.

Ta thường biết chúng-
sinh

Hành-đạo chẳng hành-
đạo

Tùy chỗ đáng độ
được

Vì nói các
pháp-môn

They would tumble into the evil
paths.

I am ever aware of living beings—

Those who practice the Way and
those who do not.

I speak various Dharmas for their
sakes

To save them in an appropriate
manner.



Hằng tự nghĩ thế này:
Lấy gì cho chúng-sinh
Được vào huệ vô-
thượng
Mau thành-tựu thân
Phật.

I am always thinking,
‘How can I cause living beings
To enter the unsurpassed Way
And to quickly perfect the body of
a Buddha?’”



KINH DIỆU PHÁP LIÊN
HOA – Quyển 5

Hán dịch: Tam Tạng Pháp
Sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Hòa thượng
Thích Trí Tịnh

LOTUS SUTRA
Volume V

Chinese translation: Tripitaka
Dharmabhāṅga Kumārajīva
English translation: [City of
Ten Thousand Buddhas, USA.](#)

Light adaptation by: support@daotrangtayphuong.org

Conventions:

- Text absent in Vietnamese: English text put in footnotes or in Appendixes or in []
- Text absent in English: Put in italic font if translated.
- Bold *italic*: Using translation from <http://evdhamma.org/index.php/sutras/lotus-nirvana/lotus-sutra/>



- *[italic]* in Vietnamese: differences among Vietnamese versions

KINH DIỆU PHÁP
LIÊN HOA
PHẨM “PHÂN BIỆT
CÔNG ĐỨC” THỨ
MƯỜI BẢY

1. -Lúc bảy giờ, trong
đại-hội nghe Phật nói
thọ-mạng, kiếp số dài

LOTUS SUTRA

Discrimination of Merit and Virtue
Chapter 17

1. At that time, when the assembly
heard the Buddha describe the
number of eons in the length of his



lâu như thế, vô-lượng,
vô-biên, vô-số chúng-
sinh được lợi-ích lớn.

Khi đó, đức Thế-Tôn
bảo ngài Di-Lặc đại Bồ-
tát:

“A-Dật-Đa! Lúc ta nói
đức Như-Lai thọ-mạng
dài lâu như thế, có sáu

life span, limitless, boundless
asamkhyeyas of living beings
gained great benefit.

The World Honored One then
spoke to the Bodhisattva
Mahasattva Maitreya, saying,
“Ajita! When I spoke of the great
length of the Thus Come One’s life
span, living beings to the number



trăm tám muôn ức na-do
tha hằng-hà-sa chúng-
sinh
được “Vô-sanh pháp-
nhãn”. (13) Lại có đại
Bồ-tát nghìn lần gấp bội
được môn “văn-trì-đà-
la-ni” (14). Lại có một
thế-giới vi-trần số đại
Bồ-tát được “Nhạo-

of sand grains in six hundred and
eighty myriads of kotis of nayutas
of Ganges Rivers gained Patience
with the Non-production of
Dharmas.” “Again, a thousand
times that number of Bodhisattvas
Mahasattvas gained the Dharani-
door of hearing and upholding.”
“Again, Bodhisattvas Mahasattvas
to the number of dust motes in a



thuyết vô-ngại biện-tài”
(15).

Lại có một thế-giới vi-
trần số đại Bồ-tát được
trăm nghìn muôn ức vô-
lượng môn “Triền đà-la-
ni”.

single world system gained the
unobstructed eloquence of delight
in speech.”

“Again, Bodhisattvas Mahasattvas
to the number of dust motes in a
single world system gained the
Dharani of a hundred thousand
myriad kotis of limitless
revolutions.”



Lại có tam-thiên đại-thiên thế-giới vi-trần số đại Bồ-tát chuyển được “Pháp-luân bất-thối”.

Lại có nhị-thiên trung-quốc-độ vi-trần số đại Bồ-tát chuyển được “Pháp-luân thanh-tịnh”.

“Again, Bodhisattvas Mahasattvas to the number of dust motes in a great world system became capable of turning the irreversible Dharma-wheel.”

“Again, Bodhisattvas Mahasattvas to the number of dust motes in a middle-sized world system were enabled to turn the pure Dharma-



Lại có Tiểu-thiên quốc-
độ vi-trần số đại Bồ-tát
tám đời sẽ được vô-
thượng chánh-đẳng
chánh-giác.

Lại có bốn Tứ-thiên-hạ
(16) vi-trần số đại Bồ-tát
bốn đời sẽ được chánh-
đẳng chánh-giác.

wheel.” “Again, Bodhisattvas
Mahasattvas to the number of dust
motes in a small world system
were destined to gain
Anuttarasamyaksambodhi after
eight lifetimes.” “Again,
Bodhisattvas Mahasattvas to the
number of dust motes in four sets
of four continents were destined to
gain Anuttarasamyaksambodhi



Lại có ba tứ-thiên-hạ vi-trần số đại Bồ-tát ba đời sẽ được vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác.

Lại có hai tứ-thiên-hạ vi-trần số đại Bồ-tát hai đời sẽ được vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác.

after four lifetimes.” “Again, Bodhisattvas Mahasattvas to the number of dust motes in three sets of four continents were destined to gain Anuttarasamyaksambodhi after three lifetimes.” “Again, Bodhisattvas Mahasattvas to the number of dust motes in two sets of four continents were destined to gain Anuttarasamyaksambodhi



Lại có một tứ-thiên-hạ
vi-trần số đại Bồ-tát một
đời sẽ được vô-thượng
chánh-đẳng chánh-giác.

Lại có tám thế-giới vi-
trần số chúng-sinh đều
phát tâm vô-thượng
chánh-đẳng chánh-giác”.

after two lifetimes.” “Again,
Bodhisattvas Mahasattvas to the
number of dust motes in one set of
four continents were destined to
gain Anuttarasamyaksambodhi
after a single lifetime.” “Again,
living beings to the number of dust
motes in eight world systems all
brought forth the resolve for
Anuttarasamyaksambodhi.”



2. -Lúc đức Phật nói các vị đại Bồ-tát đó được pháp-lợi, (17) trên giữa hư-không, rưới hoa Mạn-đà-la, hoa ma-ha mạn-đà-la để rải vô-lượng trăm nghìn muôn ức các đức Phật ngồi trên tòa sư-tử dưới gốc cây báu,

2. As the Buddha proclaimed these great advantages in the Dharma that the Bodhisattvas Mahasattvas had attained, there rained from space mandarava flowers and mahamandarava flowers, which floated down and settled upon the Buddhas seated on lion thrones beneath limitless hundreds of thousands of myriads of millions



và rải đức Thích-Ca
Mâu-Ni Phật cùng đức
Đa-Bảo Phật ngồi trên
tòa sư-tử trong tháp bảy
báu: cùng rải tất cả các
đại Bồ-tát và bốn-bộ-
chúng.

of jeweled trees, as well as upon
Shakyamuni Buddha and Many
Jewels Thus Come One, who had
entered Nirvana long ago, both of
whom were seated on the lion
throne within the stupa of seven
treasures. The flowers also settled
upon the great Bodhisattvas and
the fourfold assembly.



Lại rưới bột gỗ chiên-
đàn, trầm-thủy hương
v.v... trong hư-không,
trống trời tự kêu tiếng
hay sâu-xa.

Lại rải nghìn thứ thiên-
y, thòng các chuỗi ngọc,
chuỗi ngọc trân-châu,
chuỗi châu ma-ni, chuỗi

There also rained down finely
ground chandana powder and aloe-
wood incense. Heavenly drums in
space sounded of themselves, and
their wonderful sounds reached far
and wide. There also rained down
thousands of kinds of heavenly
garments strung with beads, as
well as laces of real pearls, laces of
Mani pearls, and laces of As-You-



châu như-ý khắp cả chín
phương,
các lò hương báu đốt
hương vô-giá, tự-nhiên
khắp đến cùng đường
đại-chúng.

Trên mỗi đức Phật có
các vị Bồ-tát nắm cầm
phan-lọng, thứ-đệ mà

Will pearls that covered the nine
directions. Another offering to all
in the great assembly was priceless
incense burning in a multitude of
precious censers, so that its scent
naturally pervaded the great
assembly and its surroundings.

Above each Buddha were
Bodhisattvas holding aloft banners
and canopies in a procession that



lên đến trời Phạm-thiên.
Các vị Bồ-tát đó dùng
tiếng tụng hay, ca vô-
lượng bài tụng ngợi-
khen các đức Phật.

Khi ấy ngài Di-Lặc Bồ-
tát từ chỗ ngồi đứng
dậy, trịch áo bày vai
hữu, chấp tay hướng về

extended clear up to the Brahma
Heavens. All the Bodhisattvas,
with wonderful sounds, sang
limitless chants in praise of all
Buddhas.

At that time Maitreya Bodhisattva
rose from his seat, uncovered his
right shoulder, placed his palms



phía Phật mà nói kê
rằng:

3. -Phật nói pháp ít
có
Từ xưa chưa từng
nghe
Thế-Tôn có sức
lớn

together, and spoke to the Buddha,
saying:

3. “The Buddha speaks the rare
Dharma,
Such as we have never heard
before.
The World Honored One has great
power,



Thọ-mệnh chẳng thể
lường.

Vô-số các Phật-tử
Nghe Thế-Tôn phân-
biệt

Nói được pháp-lợi
đó

Vui mừng đầy khắp thân

Hoặc trụ bậc bất-
thối

And his life span is without limit.

Countless disciples of the Buddha,
Hearing the World Honored One
discriminate

And tell of those who gain the
Dharma's benefit,

Have been filled with joy.

Some dwell on the irreversible
ground.



Hoặc được đà-la-ni
Hoặc vô-ngại nhạo-
thuyết
Muôn ức triệu tổng-
trì.
Hoặc có cõi đại-thiên
Số vi-trần
Bồ-tát
Mỗi vị đều nói được

Some gain the Dharanis.
Others gain unobstructed delight in
speech,
Or myriads of millions of Dharanis
of revolution.
As many Bodhisattvas
As dust motes in a great thousand
world system
All gain the ability to turn



Pháp-luân bất-thối-
chuyển.

Hoặc có trung-thiên-giới

Số vi-trần

Bồ-tát

Mỗi vị đều có thể

Chuyển-pháp-luân

thanh-tịnh.

Lại có tiểu-thiên-giới

The irreversible Dharma-wheel.

Again, Bodhisattvas in number

To the dust motes in a middle

thousand world system

All gain the ability to turn

The pure Dharma-wheel.

Again, Bodhisattvas in number



Số vi-trần

Bồ-tát

Còn dư lại tám đời
Sẽ được thành Phật-
đạo.

Lại có bốn, ba, hai
Tứ-thiên-hạ như
thế

Số vi-trần Bồ-tát

To the dust motes in a small
thousand world system

After eight more lifetimes.

Are destined to gain the Buddha
Way

Again, Bodhisattvas in number

To the dust motes in four, three, or
two

Sets of four continents shall gain



Theo số đời thành
Phật.

Hoặc một tứ-thiên-hạ

Số vi-trần

Bồ-tát

Còn dư có một đời

Sẽ thành nhất-thiết-trí.

Hàng chúng-sinh như
thế

Buddhahood after a respective
number of lives.

Further, Bodhisattvas in number
To the dust motes in one set of
four continents

Shall accomplish All-Wisdom
After one more lifetime.

Living beings such as these,



Nghe Phật thọ dài
lâu
Được vô-lượng quả-báo
Vô-lậu rất thanh-tịnh.
Lại có tám thế-giới
Số vi-trần chúng-sanh
Nghe Phật nói thọ-
mạng
Đều phát tâm vô-
thượng.

Hearing of the vast length of the
Buddha's life,
Gain limitless, non-outflow,
Pure reward as retribution.
Again living beings in number
As the dust motes in eight worlds,
Hearing the Buddha speak of his
life span,
All bring forth the supreme mind.



4. -Thế-Tôn nói vô-
lượng
Bất-khả tư-nghì pháp
Nhiều đượ có lợi-ích
Như hư-không vô-biên
Rưới hoa thiên mạn-đà
Hoa ma-ha
mạn-đà
Thích, Phạm như hằng-
sa

4. The World Honored One speaks
limitless,
Inconceivable Dharmas,
Bringing many benefits,
As boundless as space itself.
Heavenly mandarava flowers
And mahamandarava flowers rain
down.
From countless Buddhalands



Vô-số cõi Phật
đến

Rưới chiên-đàn trầm
thủy

Lãng-xãng loạn sa
xuống

Như chiêm bay liệng
xuống

Rải cúng các đức
Phật.

Come Shakras and Brahmas like
the Ganges sands;

Chandana and aloe-wood incense

Filter through the air, falling in
profusion

Like flocks of birds flying down
from the sky,

Scattered as an offering to the
Buddhas.



Trống trời trong hư-
không

Tự-nhiên vang tiếng
mầu,

Áo trời nghìn muôn
thứ

Xoay-chuyển mà rơi
xuống

Các lò hương đẹp
báu

In empty space, heavenly drums

Make magnificent sounds by
themselves,

While thousands of tens of
thousands of heavenly garments
Come whirling and swirling down.

Wonderful censers studded with
jewels



Đốt hương quý vô-giá
Tự-nhiên đều cùng
khắp
Cúng dường các Thế-
Tôn.
Chúng đại Bồ-tát
kia
Cầm phan-lọng bảy
báu

Burn with priceless incense,
Which naturally pervades the
surroundings
As an offering to the World
Honored Ones.
The great assembly of
Bodhisattvas
Hold banners and canopies made
of seven treasures,



Cao đẹp muôn ức
thứ

Thứ lớp đến Phạm-
Thiên.

Trước mỗi mỗi đức Phật

Tràng báu treo phan
tốt

Cũng dùng nghìn muôn
kệ

High and splendid, of a million
varieties,

In a procession that reaches the
Brahma heavens.

And before each Buddha

Hang jeweled flags and banners of
victory,

As myriads upon myriads of verses
are used



Ca vinh các
Như-Lai
Như thế các món việc
Từ xưa chưa từng có
Nghe Phật thọ vô-
lượng
Tất cả đều vui mừng
Phật tiếng đồn mười
phương
Rộng lợi ích chúng-sinh

To praise and laud the Thus Come
Ones:
All such things as these
As never have been seen before.
Hearing of the Buddha's limitless
life span,
All are filled with joy.
The Buddha's name pervades the
ten directions.
He vastly benefits living beings,



Tất cả đủ căn-lành
Đề trợ tâm vô-
thượng.

5. -Lúc bảy giờ, Phật
bảo ngài Di-Lặc đại Bồ-
tát: “A-Dật-Đa! Có
chúng-sanh nào nghe
đức Phật thọ mạng dài
lâu như thế, hẳn đến có

All of whom perfect good roots
And are helped to bring forth the
supreme mind.”

5. At that time the Buddha told
Maitreya Bodhisattva Mahasattva,
“Ajita! If there are living beings
who, on hearing that the Buddha’s
life span is as long as this, can
bring forth even a single thought of



thể sanh một niệm tín
giải, được công-đức
không thể hạn lượng
được. Nếu có thiện-
nam-tử, thiện-nữ-nhơn,
vì đạo vô-thượng chánh-
đẳng chánh-giác, trong
tám mươi muôn ức na-
do-tha kiếp tu năm pháp
ba-la-mật:

faith and understanding, the merit
and virtue they will gain is
measureless and limitless.”
“If a good man or a good woman,
for the sake of
Anuttarasamyaksambodhi, were to
practice—throughout eighty
myriads of millions of nayutas of
eons, the five paramitas:



bố-thí ba-la-mật,
trì-giới ba-la-mật,
nhẫn-nhục ba-la-mật,
tinh-tấn ba-la-mật,
thiền-định ba-la-mật,
trừ trí-huệ ba-la-mật,
đem công-đức này sánh
với công-đức tín-giải
trước, trăm phần, nghìn
phần, trăm nghìn muôn

Dana Paramita,
Shila Paramita,
Kshanti Paramita,
Virya Paramita,
and Dhyana Paramita;
all except Prajna Paramita,
the merit and virtue he or she
would derive if compared with that
of the previous person's would not
come to a hundredth part, nor to a



ức phần chẳng kịp một, nhần đến tính đếm, thí dụ, không thể biết được. Nếu thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhơn có công-đức như thế mà thôi-thất nơi vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác, thời quyết không có lẽ đó.

thousandth, nor to a hundred thousand myriad millionth part, nor could it be known by resort to calculation or analogy.” “For a good man or a good woman possessing merit and virtue such as this, to retreat from Anuttara-samyak-sambodhi would be simply impossible.”



Khi ấy, đức Thế-Tôn
muốn tuyên lại nghĩa
trên mà nói kệ rằng:

6. -Nếu người cầu huệ
Phật.

Trong tám mươi muôn
ức

Na-do-tha kiếp số

Tu năm ba-la-mật

At that time, the World Honored
One, wishing to restate this
meaning, spoke verses saying,

6. “If someone wishes to seek the
Buddha’s wisdom

Throughout eighty myriads of
millions

Of nayutas of kalpas,

Practicing the five paramitas



Ở trong các kiếp đó
Bồ-thí cúng dường
Phật
Và Duyên-giác đệ-tử
Cùng các chúng Bồ-tát,
Đồ uống ăn báu
lạ
Thượng phục và đồ nằm
Chiên-đàn dựng
tinh-xá

Throughout all those eons,
He would give by making
offerings to the Buddhas,
The Pratyekabuddha disciples,
And to the hosts of Bodhi-sattvas.
His gifts might be rare and
precious food and drink,
Fine clothing and bedding.
He might give pure abodes made
of chandana



Dùng vườn rừng trang-
nghiêm

Bồ-thí như thể thấy

Các món đều vi-diệu

Hết các kiếp số này

Để hồi-hướng Phật

đạo,

Nếu lại gìn cấm giới

Thanh-tịnh không thiếu

sót

And adorned by gardens and
groves.

Gifts such as these,

Varied and fine,

Throughout this number of eons,

He would dedicate to the Buddha

Way.

Further he might hold the

prohibitive precepts purely,

Without flaw or fault,



Cầu nơi đạo vô-thượng
Được các Phật ngợi
khen
Nếu lại tu nhẫn-nhục
Trụ nơi chỗ điều-
nhu
Dầu các ác đến hại
Tâm đó chẳng khuynh-
động

Seeking the supreme path,
Praised by all the Buddhas.

Again, he might practice patience,
Dwelling on the Ground of
Compliance,
So that should evil befall him,
His mind would not be disturbed.



Các người có được
pháp
Cru lòng tãng-thượng-
mạn
Bị bọn này khinh não
Như thế đều nhẫn được.
Hoặc lại siêng tinh-tấn
Chí-niệm thường bền
vững

Also if those who have gained the
Dharma,
But who harbor overweening
pride,
Ridicule and torment him,
He would be able to bear it.
He might be diligent and vigorous,
Ever solid in his resolve,



Trong vô-lượng ức
kiếp
Một lòng chẳng trễ thôi.
Lại trong vô-số kiếp
Trụ nơi chỗ vắng-vẻ
Hoặc ngồi hoặc kinh-
hành
Trừ ngủ thường nhiếp-
tâm

Throughout limitless millions of
eons,
Single-minded and never lax.
And for countless eons he might
Dwell in a tranquil place,
Ever collecting his thoughts,
avoiding sleep,
While either sitting or walking.



Do các nhân-duyên
đó
Hay sanh các thiền
định,
Tám mươi ức muôn
kiếp
An-trụ tâm chẳng
loạn
Đem phước thiền-định
đó

Because of these causes and
conditions,
He would then give rise to Dhyana
concentration,
So that for eighty millions of
myriads of eons,
His mind would be secure and
unconfused.
Blessed with this single-
mindedness,



Nguyện cầu đạo vô-
thượng

Ta được nhất-thiết-trí
Tận ngần các thiền
định

Người đó trong trăm
nghìn

Muôn ức kiếp số lâu
Tu các công-đức
này

He would seek the unsurpassed
path, saying,
”May I gain All-Wisdom
And exhaust the limits of Dhyana
concentrations.”

This person, for hundreds of
thousands

Of tens of millions of eons,
Might practice such meritorious
virtues



Như trên đã nói rõ.
Có thiện-nam,
tín-nữ.
Nghe ta nói thọ-
mạng
Nhãn đến một niệm
tin
Phước đây hơn phước
kia

As told above.
But should there be a good man or
woman,
Who, hearing me speak of my life
span,
Gives rise to even a single thought
of faith,
His or her blessings will exceed
those of the person just described.



Nếu người trọn không
có
Tất-cả các nghi-hỏi
Thân tâm giây lát
tin
Phước đó nhiều như thế.
Nếu có các Bồ-tát
Vô-lượng kiếp hành
đạo

Any person who can be completely
free
Of doubts and misgivings
And, with deep thought, believe
for but an instant,
Will reap blessings such as those.
Should there be Bodhisattvas
Who have practiced the Way for
limitless eons



Nghe ta nói thọ-
mạng

Đây thời tin nhận
được

Các hàng người như thế
Đảnh thọ kinh-điển
này

Nguyện ta thưở vị-lai
Sống lâu độ chúng-
sinh

And who hear me speak of my life
span,

They shall be able to believe and
accept it.

Persons such as these
Will receive this Sutra atop their
heads,

Vowing, “May we in the future
Gain long lives and save living
beings.



Như Thế-Tôn ngày
nay
Vua trong các họ Thích
Đạo-tràng rền tiếng
lớn
Nói pháp không sợ-sệt
Chúng ta đời vị-lai
Được mọi người tôn-
kính

Just as today the World Honored
One,
King of the Shakyas,
In the Bodhimanda puts forth the
lion's roar,
Speaking the Dharma without fear,
So may we in lives to come
Be revered by all



Lúc ngồi nơi đạo-
tràng
Nói thọ-mạng cũng
thế.
Nếu có người thâm-
tâm
Trong-sạch mà ngay thật
Học rộng hay tông-trì
Tùy nghĩa giải lời
Phật

And, while seated in the
Bodhimanda,
Speak of our life spans in the same
way.”
Should there be those who deeply
believe,
Who are pure and straightforward,
With much learning and dharanis,
Who explain the Buddhas’ words
according to the doctrine



Những người như thế đó
Nơi đây không có
nghĩ.

7. -Lại A-Dật-Đa! Nếu
có người nghe nói đức
Phật thọ-mạng dài lâu,
hiểu ý-thú của lời nói
đó, người này được
công-đức không có hạn-

Persons such as these
Will have no doubts about this
matter.”

7. “Further, Ajita, if anyone hears
of the long duration of the
Buddha’s life span and
understands the import of these
words, the merit and virtue such a
one gains will be without boundary



lượng, có thể sinh-huệ
vô-thượng của Như-Lai.
Huống là người rộng
nghe kinh này, hoặc bảo
người nghe, hoặc tự thọ
trì hoặc bảo người thọ
trì, hoặc tự chép, hoặc
bảo người chép, hoặc
đem hoa hương, chuỗi
ngọc, tràng-phan, lọng

or limit, for it shall enable one to
give rise to the supreme wisdom of
the Thus Come One.” “How much
the more so will this be the case
for one who can listen to this Sutra
extensively; ask others to listen;
uphold it oneself; ask others to
uphold it; write it out oneself; ask
others to write it out; or use
flowers, incense, beads, banners,



nhiều, dầu thơm, đèn
nến cúng-dường quyền
kinh, công-đức của
người này vô-lượng vô-
biên có thể sanh nhất-
thiết chủng-trí.

A-Dật-Đa! Nếu thiện-
nam-tử, thiện-nữ-nhân

flags, silk canopies, fragrant oils,
or butter lamps to make offerings
to this Sutra. Such a person's merit
and virtue will be limitless and
boundless, for it shall enable that
person to give rise to Wisdom of
All Modes.”

“Ajita! If a good man or good
woman hears of the long duration



nghe ta nói thọ-mạng dài
lâu sanh lòng tin hiểu
chắc, thời chính là thấy
đức Phật thường ở núi
Kỳ-Xà-Quật, cùng
chúng Bồ-tát lớn và
hàng Thanh-văn vây
quanh nói pháp.

of the Buddha's life span and, with
deep mind, believes and
understands, he or she will then see
the Buddha ever-present on Mount
Grdhrakuta together with the great
Bodhi-sattvas and the assembly of
Hearers surrounding him as he
speaks the Dharma.



Lại thấy cõi Ta-bà này
đất bằng lưu-ly ngang
liền bằng phẳng, dây
vàng Diêm-phù-đàn để
ngăn tám nẻo đường,
cây báu bày hàng, các
đài lầu nhà thảy đều các
thứ báu hợp thành,
chúng Bồ-tát đều ở
trong đó. Nếu có người

He or she will also see the Saha
world's soil become lapis lazuli. It
will be flat and even, with eight
major roads bordered with
Jambunada gold and lined with
jeweled trees. Adjacent to the
roads will be pavilions and towers
all made of jewels, wherein hosts
of Bodhi-sattvas dwell. To behold



tướng quán được như thế, phải biết đó là tướng tin hiểu sâu chắc.

Và lại sau đức Như-Lai diệt-độ, nếu có người nghe kinh này mà không chê bai, sanh lòng tùy-hỷ phải biết đó đã là tướng tin hiểu sâu chắc,

in this way is indicative of deep faith and understanding.”

“Further, after the extinction of the Thus Come One, if a person hears this Sutra and does not defame it but instead rejoices over it, you should know that this indicates he already has deep faith and



huống là người đọc,
tụng, thọ-trì kinh này,
người này thì là kẻ đầu
đội đức Như-Lai.

A-Dật-Đa! Thiện-nam-
tử cùng thiện-nữ-nhân
đó chẳng cần lại vì ta mà

understanding.” “How much the
more so is this the case for one
who reads, recites, receives, and
upholds it.” “This person carries
the Thus Come One on the top of
his head.”

“Ajita! This good man or good
woman need not build stupas or
temples for me, nor build Sangha



dựng chùa tháp, và cất
Tăng-phường dùng bốn
sự cúng-dường để cúng-
dường chúng Tăng.

Vì sao? Vì thiện-nam-tử,
thiện-nữ-nhân đó thọ-trì,
đọc tụng kinh điển này
thì là đã dựng tháp tạo
lập Tăng-phường cúng-
dường chúng tăng, thời

dwelling, nor make the four kinds
of offerings to the Sangha.

Why not? This good man or good
woman, in receiving, upholding,
reading, and reciting this Sutra, has
already built stupas, erected
Sangha dwellings, and made
offerings to the Sangha. He has



là đem xá-lợi của Phật dựng tháp bảy báu cao rộng nhỏ dần lên đến trời Phạm-Thiên, treo các phan lọng và các linh báu, hoa, hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương-xoa, hương đốt, các trống, kỹ nhạc, ống tiêu, ống địch, không-hầu các

built stupas of the seven treasures for the Buddha's sharira. The stupas are high and broad, tapering up to the Brahma Heavens, hung with banners and canopies. He has also offered many jeweled bells, flowers, incense, beads, ground incense, paste incense, and burning incense, as well as many drums, musical instruments, pipes, flutes,



thứ múa chơi, dùng
tiếng giọng tốt ca ngâm
khen-ngợi, thời là ở
trong vô-lượng nghìn
muôn ức kiếp đã làm
việc cúng-dường đó rồi.

A-Dật-Đa! Nếu sau khi
ta diệt-độ, nghe kinh
điển này, có người hay

reeds, various dances, and praises
sung with wonderful sounds. He
has already made such offerings
throughout limitless thousands of
myriads of millions of eons.”

“Ajita! If, after my extinction, a
person, hearing this Sutra, can
receive and uphold it, write it out,



thọ-trì, hoặc tự chép
hoặc bảo người chép, đó
là dựng lập Tăng-
phường, dùng gỗ chiên-
đàn đỏ làm các cung-
điện nhà cửa ba mươi
hai sở, cao bằng tám cây
đa-la, cao rộng nghiêm
đẹp, trăm nghìn Tỷ-kheo
ở nơi trong đó. Vườn,

or ask others to write it out, he will
thereby have built Sangha
dwellings and made thirty-two
halls of red chandana, eight tala
trees in height, high, broad, and
adorned, with hundreds and
thousands of Bhikshus dwelling
within them, filled also with
gardens, groves, bathing ponds,
pathways, Dhyana caves, clothing,



rừng, ao tắm, chỗ kinh-
hành, hang ngồi thiền, y-
phục đồ uống ăn, giường
nệm, thuốc thang tất cả
đồ vui đầy-dày trong đó,
Tăng-phường có ngàn
ấy trăm nghìn muôn ức
nhà gác như thế, số đó
nhiều vô-lượng, dùng để

food, drink, bedding, medicines,
and musical instruments. Such
Sangha dwellings, halls, and
pavilions—uncountable hundreds
of thousands of myriads of
millions of them—shall be
uncountable in number and shall
manifest as an offering before me
and the Bhikshu Sangha.



hiện tiền cúng-dường
nơi ta và Tỳ-kheo tăng.

Cho nên ta nói: Sau khi
Nhu-Lai diệt-độ nếu có
người thọ-trì, đọc tụng,
vì người khác nói. Hoặc
mình chép hoặc bảo
người chép, cúng-dường
kinh quyển thì chẳng

Therefore I say that after the Thus
Come One's extinction, if a person
receives, upholds, reads, recites, or
explains this Sutra to others, if he
writes it out, asks others to write it
out, or makes offerings to this
Sutra, he need not further build



cần lại dựng chùa tháp
và tạo lập Tăng-phường
cúng-dường chúng
Tăng. Huống lại có
người hay thọ-trì kinh
này mà gồm tu-hành bố-
thí, trì-giới, nhẫn-nhục,
tinh-tân, nhất-tâm, trí-
tuệ, công-đức của người
đây rất thù-thắng vô-

stupas, monasteries, or Sangha
dwellings as offerings to the
Sangha.” “How much the more so
does this apply to a person who
can uphold this Sutra and at the
same time practice giving, holding
precepts, patience, vigor, single-
mindedness, and wisdom.” “His
virtue shall be supreme, limitless,
and unbounded.”



lượng vô-biên.

Thí như hư-không, đông, tây, nam, bắc, bốn phía trên, dưới vô-lượng vô-biên, công-đức của người đó cũng lại như thế vô-lượng vô-biên mau đến bậc nhất-thiết chùng-trí. Nếu có người

“Just as space to the north, east, south, west, the intermediate points, the zenith, and the nadir is limitless and boundless, so too this person’s merit and virtue shall be limitless and boundless, and he shall speedily attain to the Wisdom of All Modes.” “A person may



đọc tụng thọ-trì kinh này vì người khác nói, hoặc tự chép, hoặc bảo người chép, lại có thể dựng tháp cùng tạo lập Tăng-phường cúng-dường khen-ngợi chúng Thanh-văn-tăng, cũng dùng trăm nghìn muôn pháp

read, recite, receive, and uphold this Sutra, explain it to others, write it out, or ask others to write it out, and he may further build stupas or Sangha dwellings. He may make offerings to and praise the Sangha of Hearers, and laud the merit and virtue of the Bodhi-sattvas in hundreds of



ngợi-khen mà ngợi-khen
công-đức của Bồ-tát.

Lại vì người khác dùng
các món nhân-duyên
theo nghĩa giải nói kinh
Pháp-Hoa này,
lại có thể thanh-tịnh trì-
giới cùng người nhu-hòa
mà chung cùng ở, nhẫn-

thousands of myriads of millions
of ways.

Further he may explain the
meanings in the Dharma Flower
Sutra to others while according
with their various causes and
conditions. In addition he may
uphold the precepts purely, dwell
in harmony with people, be patient



nhục không sân, chí
niệm bền vững, thường
quý ngòì thiền đợc các
món địn̄ sâu, tinh-tấn
mạnh-mẽ nhiếp các
pháp lành, căn lành trí-
sáng, giỏi gạn hỏi đấp.

and without anger, and be of solid
resolve and mindfulness. He may
always value sitting in Dhyana,
obtaining deep concentration. He
may be vigorous and heroic,
gathering all good dharmas. He
also may possess keen faculties
and wisdom, and be skillful at
answering questions.”



A-Dật-Đa! Nếu sau khi ta diệt-độ các thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân thọ-trì, đọc tụng kinh điển này lại có các công-đức lành như thế, phải biết người đó đã đến đạo-tràng gần vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác

“Ajita! If there is a good man or good woman who, after my extinction, is able to receive, uphold, read, and recite this Sutra and who also is able to amass these other good deeds and meritorious virtues, such a person has already turned towards the Bodhimanda, has drawn near to



ngồi dưới gốc đạo-thọ.

A-Dật-Đa! Chỗ của
thiện-nam-tử cùng thiện-
nữ-nhân đó hoặc ngồi,
hoặc đứng, hoặc đi,
trong đó bèn nên xây
tháp, tất cả trời người

Anuttara-samyak-sambodhi, and is
seated beneath the tree of the Way.

Ajita! Wherever such a good man
or good woman is, whether he or
she is sitting, standing, or walking,
one should build a stupa at that
place, and all gods and humans
should make offerings to it as if it
were a stupa of the Buddha.”



đều phải cúng-dường
như tháp của Phật.

Khi ấy, đức Thế-Tôn
muốn tuyên lại nghĩa
trên mà nói kệ rằng:

8. -Sau khi ta diệt độ
Hay phụng trì kinh này

At that time the World Honored
One, wishing to restate this
meaning, spoke verses, saying,

8. “If a person, after my extinction,
Can reverently uphold this Sutra,



Người đó phước vô-
lượng
Như trên đã nói rõ.
Đó thời là đầy-đủ
Tất cả các cúng-dường
Dùng xá-lợi xây tháp
Bảy báu để trang-
nghiêm
Chùa-chiền rất cao rộng

His blessings shall be unlimited,
As described above.
For he will have then completed
All manner of offerings,
And built sharira-stupas
Adorned with the seven treasures,
With towers high and broad,



Nhỏ dần đến
Phạm-thiên
Linh báu nghìn muôn
ức
Gió động vang tiếng
màu,
Lại trong vô-lượng
kiếp
Mà cúng-dường tháp
đó

Tapering up to the Brahma
Heavens,
Hung with millions and millions of
jeweled bells,
Making wonderful sounds in the
wind.
And also, throughout limitless
eons,
He shall have made offerings to
this stupa



Hoa hương, các chuỗi
ngọc
Thiên-y, các
kỹ-nhạc
Thắp đèn dầu nến
thơm
Quanh khắp thường soi
sáng,
Lúc đời ác
mạt-pháp

Of flowers, incense, beads,
Heavenly garments, and all kinds
of music.
He shall burn fragrant oil in butter
lamps,
Which shine brightly all around.
In the evil age, during the
Dharma's demise,



Người hay trì kinh này
Thì là đã đầy đủ
Các cúng-dường như
trên.

Nếu hay trì kinh này
Thì như Phật
hiện-tại

Dùng ngưu-đầu chiên-
đàn

He who can uphold this Sutra,
Will then, as mentioned above,
Have perfectly made all these
offerings.

If a person can uphold this Sutra,
It will be as if in the presence of
the Buddha himself

He used oxhead chandana



Dựng Tăng-phường
cúng-dường

Nhà ba mươi hai sở

Cao tám cây Đa-la

Đồ ngon y-phục tốt

Giường nằm đều đầy đủ.

Trăm nghìn chúng

nương ở

Vườn rừng các ao tắm

To build Sangha dwellings as
offerings to him.

These thirty-two halls,

Eight tala trees in height,

Replete with fine food, clothing,

And bedding, wherein

Hundreds of thousands may dwell,

gardens, groves, bathing ponds,



Chỗ kinh-hành, ngồi
thiền
Các món đều nghiêm
tốt.
Nếu có lòng tín
hiểu
Thọ-trì, đọc tụng
biên
Nếu lại bảo người biên

Pathways, and Dhyana caves.

Will be amply adorned.

If one may, with faith and
understanding,

Receive, uphold, read, recite, and
write,

Or request others to write,



Và cúng-dường kinh
quyển.

Rải hoa hương, hương
bột

Dùng tu-mạn, chiêm-bạc
A-đề, mục-đa-dà

Uớp dầu thường đốt
đó

Người cúng-dường như
thế

And make offerings to this Sutra,

Scattering flowers, incense, and
scented powder,

Made of sumana, champaka,
and atimuktaka.

And constantly burning lamps with
fragrant oils

He who makes such offerings



Được công-đức vô-
lượng

Như hư-không vô-biên
Phước đó cũng như thế.

Huống lại

trì kinh này

Gồm bố-thí trì-giới,

Nhẫn-nhục ưa thiên-
định

Gains limitless merit and virtue.

Just as empty space is boundless,
So shall his blessings be.

How much greater is the merit

Of he who upholds this Sutra,

Who also gives, holds precepts,

Who is patient and takes delight in

Dhyana samadhi,



Chẳng sân, chẳng ác
khẩu
Cung-kính nơi tháp
miếu
Khiêm-hạ các Tỳ-kheo
Xa lìa tâm tự cao
Thường nghĩ suy trí-
huệ,
Có gan hỏi
chẳng sân

Who is never hateful or foul-
mouthed,
And who is reverent in stupas and
temples,
Humble towards the Bhikshus,
Far-removed from arrogance,
And ever-thinking on wisdom.

He may refrain from anger
When asked difficult questions



Tùy-thuận vì giải
nói
Nếu làm được hạnh đó
Công-đức chẳng lường
được.
Nếu thấy Pháp-sư này
Nên công-đức như thế
Phải dùng hoa trời
rải
Áo trời trùm thân kia

But be compliant in making
explanations.
He who can perform such practices
Shall have limitless merit and
virtue.
If one sees a Dharma Master
Accomplish virtues such as these,
One should scatter heavenly
flowers,
Offer him heavenly garments,



Đầu mặt tiếp chân lay
Sanh lòng tưởng như
Phật,
Lại nên nghĩ thế này:
Chẳng lâu đến
đạo-thọ
Được vô-lậu
vô-vi
Rộng lợi các người
trời

Bow with one's head at his feet,
And think of him as one would a
Buddha.
One should further think,
“Soon he will arrive at the
Bodhimanda,
Attain to no-outflows—the
unconditioned—
And broadly benefit gods and
humans.”



Chỗ trụ chỉ của kia
Kinh-hành hoặc ngồi
nằm
Nhấn đến nói một kệ
Trong đây nên xây tháp
Trang-nghiêm cho tốt
đẹp
Các món đem cúng-
dường,

Wherever such a person stays,
Walks, sits, or reclines,
Or speaks but a single verse,
One should build a stupa,
Wonderfully fine and adorned,
And make all kinds of offerings to
it.



Phật-tử ở chỗ
này
Thì là Phật thọ dụng
Thường ở nơi trong đó
Kinh hành và ngồi nằm.

KINH DIỆU-PHÁP
LIÊN-HOÀ
QUYỂN THỨ NĂM

The disciple of the Buddha,
dwelling in this place,
Enjoys it as would the Buddha,
Always abiding therein,
Walking, sitting, or reclining.”



Toan cầu an lạc, bốn
pháp bèn tu, thân được
“kê châu” nổi tiếng nhà,
ba cỡi bãi đao binh, bản
và tích đều rõ, sa giới
chúng ngộ vô sanh.

NAM-MÔ PHÁP-HOÀ
HỘI-THƯỢNG PHẬT
BỒ-TÁT. (3 lần)



Đức Văn-Thù khái cáo,
vừa giúp chân thuyên,
bền giữ bốn pháp được
an nhiên, từ đất vọt lên
chúng nhiều nghìn, ngài
A-dật-đa trùng tuyên,
thọ lượng rộng vô biên.
NAM-MÔ A-DẬT-ĐA
BỒ-TÁT. (3 lần)



